CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

Ngày ... tháng ... năm 2022

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN PHÚ

Ngày 10 tháng 5 năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN

HUYỆN YÊN MỸ

CHỦ TỊCH

ĐẶNG XUÂN LƯƠNG

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ 1
1. Mục đích của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 2
2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 2
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI 4
1.1. Điều kiện tự nhiên và môi trường 4
1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội 9
1.3. Đánh giá chung 18
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC 20
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước 20
2.1.1. Kết quả thực hiện các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 20
2.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021 20
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước 25
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước 26
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 26
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất 26
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực 27
3.2.1 Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất 27
3.2.2 Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân 29
3.2. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu 37
3.3.1. Đất nông nghiệp 38
3.3.2. Đất phi nông nghiệp 42
3.3.3. Đất chưa sử dụng 51
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích 51
3.5. Diện tích đất cần thu hồi 51
3.6. Diện tích đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 52
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 53
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 53
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 54
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường 54
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất 56
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất 57
4.4. Các giải pháp khác 57
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 59

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa tiếng việt
1	BĐKH	Biến đổi khí hậu
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	CN-TTCN	Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp
5	CCN	Cụm công nghiệp
6	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường chiến lược
7	GPMB	Giải phóng mặt bằng
8	HTX	Hợp tác xã
9	KTXH	Kinh tế - xã hội
10	KCN	Khu công nghiệp
11	MTQG	Mục tiêu quốc gia
12	MN	Mầm non
13	THCS	Trung học cơ sở
14	THPT	Trung học phổ thông
15	TH&THCS	Tiểu học và Trung học cơ sở
16	UBND	Ủy ban nhân dân

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc; là tư liệu sản xuất đặc biệt nhưng lại bị giới hạn về diện tích, hình thể trong khi đó mức độ sản xuất lại phụ thuộc vào sự đầu tư, hướng khai thác sử dụng của con người. Đất đai còn là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố và là nơi diễn ra mọi hoạt động kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh và quốc phòng.

Quy hoạch sử dụng đất là bản tổng phối của phát triển, trong đó phản ánh cụ thể các ý tưởng về tương lai của các ngành, các cấp nhịp nhàng và cân đối, thông qua những trình tự hành chính và pháp lý nhất định để trở thành quy chế xã hội, mọi người đều có quyền và nghĩa vụ thực hiện. Quy hoạch sử dụng đất vừa là phương thức để phát triển vừa là công cụ để xây dựng và củng cố Nhà nước. Quy hoạch sử dụng đất là cơ cấu sử dụng đất thống nhất các biện pháp của Nhà nước (thể hiện đồng thời 3 tính chất kinh tế, kỹ thuật và pháp chế) về tổ chức sử dụng và quản lý đất đai đầy đủ, hợp lý, khoa học và có hiệu quả cao nhất đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững dựa trên 3 trụ cột kinh tế - xã hội – môi trường, thông qua việc phân bổ quỹ đất đai cho các mục đích và các ngành, tổ chức sử dụng đất như tư liệu sản xuất.

Quy hoạch sử dụng đất là quá trình hình thành các quyết định nhằm tạo điều kiện đưa đất đai vào sử dụng bền vững để mang lại lợi ích cao nhất, thực hiện đồng thời hai chức năng điều chỉnh các mối quan hệ đất đai và tổ chức sử dụng đất như tư liệu sản xuất đặc biệt với mục đích nâng cao hiệu quả sản xuất của xã hội, bảo vệ đất đai và môi trường.

Kế hoạch sử dụng đất là việc phân chia quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

Để đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, sử dụng đất trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, bên cạnh việc kế thừa các quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong hệ thống pháp luật, Luật Đất đai năm 2013. Nội dung này được cụ thể hóa tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và sửa đổi bổ sung tại Điều 6, Luật số 35/2018/QH14 – Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, trong đó có nội dung về lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cho cấp huyện. Thực hiện công tác lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013 làm căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại Công văn số 1753/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/9/2021 của Sở Tài nguyên và

Môi trường tỉnh Hưng Yên đã có "V/v lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022", Uỷ ban nhân dân huyện Yên Mỹ cùng các cơ quan chức năng có liên quan phối hợp thực hiện dự án **"Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Yên Mỹ"**.

1. Mục đích của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng năm 2021 và tiềm năng đất đai của tỉnh để có kế hoạch và phương án đầu tư, sử dụng hợp lý các loại đất trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

- Kế hoạch sử dụng đất huyện Yên Mỹ nhằm giải quyết các mâu thuẫn về quan hệ đất đai căn cứ vào đặc tính nguồn tài nguyên đất, mục tiêu dài hạn phát triển kinh tế - xã hội và các điều kiện cụ thể của huyện, điều hoà quan hệ sử dụng đất trong phát triển xây dựng, đô thị, giao thông, thuỷ lợi và phát triển nông nghiệp; đề xuất các chỉ tiêu và phân bố sử dụng các loại đất, xác định các chỉ tiêu khống chế về đất đai đối với quy hoạch ngành và cấp thị trấn, xã trên phạm vi của huyện.

- Phân bổ lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng, phù hợp với nhu cầu thực tế hàng năm của các cấp thị trấn, xã.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Khoanh định, phân bố các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho các ngành, các cấp theo quy hoạch đã được phê duyệt phải được cân đối trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chồng chéo trong quá trình sử dụng.

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022

2.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Quy hoạch Đô thị - Luật số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

- Luật Đất đai – Luật số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013.

- Luật Xây dựng – Luật số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.

- Luật Đầu tư công – Luật số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.

- Luật Lâm Nghiệp – Luật số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017.

- Luật Quy hoạch – Luật số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017.

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018.

- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ "Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

2.2. Cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha năm 2022 trên địa bàn tỉnh để thực hiện dự án.

- Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất điều chỉnh, bổ sung năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha điều chỉnh, bổ sung năm 2022 trên địa bàn tỉnh để thực hiện dự án.

- Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Mỹ;

- Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Yên Mỹ;

- Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Hưng

Yên quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2024;

- Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI;

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất huyện Yên Mỹ đến năm 2030

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Mỹ tỷ lệ 1/10.000;

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Yên Mỹ tỷ lệ

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2021;

- Bản đồ địa chính các xã, thị trấn tỷ lệ 1/500; 1/1000; 1/2000;

- Số liệu kiểm kê đất đai đến 31/12/2019 của huyện Yên Mỹ;

- Số liệu thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Yên Mỹ.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp "***Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên***" ngoài phần đặt vấn đề, kết luận và đề nghị, báo cáo gồm 3 phần chính:

Phần I – Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

Phần II – Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

Phần III – Lập kế hoạch sử dụng đất và giải pháp tổ chức thực hiện.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên và môi trường

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Yên Mỹ nằm ở trung điểm phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách tỉnh Hưng Yên khoảng 30 km, cách thủ đô Hà Nội 30 km.

Tọa độ địa lý nằm trong khoảng 20º50' đến 20º57' vĩ Bắc và từ 105º57' đến 106º05' kinh độ Đông, có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp các huyện Văn Lâm, thị xã Mỹ Hào;

Phía Nam giáp các huyện Khoái Châu, Ân Thi;

Phía Đông giáp các thị xã Mỹ Hào, Ân Thi;

Phía Tây giáp các huyện Văn Giang, Khoái Châu.

Huyện Yên Mỹ có các huyết mạch giao thông chính như quốc lộ 5A, 39A, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường Hà Nội - Hưng Yên và một số huyết mạch giao thông quan trọng khác; có ranh giới địa lý với 5 trong số 10

huyện, thị của tỉnh Hưng Yên. Với vị trí địa lý của Yên Mỹ tạo cơ hội thuận lợi để liên doanh, liên kết với các tỉnh và huyện bạn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời tạo cơ hội để các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư trên địa bàn.

Huyện Yên Mỹ được tái lập từ 01/9/1999 có 17 đơn vị hành chính xã, thị trấn (gồm: 16 xã và 1 thị trấn): xã Đồng Than, xã Hoàn Long, xã Liêu Xá, xã Minh Châu, xã Ngọc Long, xã Nghĩa Hiệp, xã Tân Lập, xã Tân Việt, xã Thanh Long, xã Lý Thường Kiệt, xã Giai Phạm, xã Trung Hưng, xã Trung Hoà, xã Việt Cường, xã Yên Hoà, xã Yên Phú và Thị trấn Yên Mỹ.

Với vị trí địa lý thuận lợi của Yên Mỹ đã tạo nhiều lợi thế về giao lưu kinh tế - văn hoá - xã hội với các địa phương trong và ngoài tỉnh; thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương ..., vị trí trên cũng đem lại cho Yên Mỹ lợi thế có thị trường tiêu thụ rộng rãi, có khả năng trao đổi nông sản, hàng hoá với các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng.

1.1.1.2. Địa hình, địa mạo

Là huyện thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, đất đai tương đối bằng phẳng, chủ yếu bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi, kênh mương và đường giao thông. Nhìn chung về địa hình đồng ruộng của huyện độ cao thấp không đều nhau, mà có sự chênh lệch về cốt đất. Đất đai có xu thế thoải dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, độ cao trung bình từ 2,5 + 3,7m cao nhất +4m tập trung ở các xã Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hoà, thấp nhất +1,5 đến +2m tập trung ở các xã Trung Hoà, Thường Kiệt, Trung Hưng ...

1.1.1.3. Khí hậu

Huyện Yên Mỹ nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung đều nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ và chịu ảnh hưởng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết trong năm được phân làm 2 mùa rõ rệt:

- Mùa hè: Nóng ẩm, mưa nhiều được kéo dài từ tháng 3 đến tháng 10.

- Mùa đông: Lạnh, khô hanh thường kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau.

1.1.1.4. Thủy văn

Yên Mỹ chịu ảnh hưởng các nguồn nước chính của lưu lượng dòng chảy từ thượng nguồn của sông Hồng (chạy dọc từ Tây Bắc xuống Đông Nam) và hệ thống sông mương chằng chịt gồm: sông Kim Sơn, sông Cầu Treo, sông Thái Nội, sông Đồng Than, sông Từ Hồ, sông Sài Thị, sông Điện Biên. Ngoài ra là có các kênh dẫn nước chính như: Tam Bá Hiển, Trung Thuỷ Nông T11, T3,... Kết

hợp với hệ thống thuỷ lợi nội đồng đã đảm bảo được yêu cầu tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp.

Nhìn chung, huyện Yên Mỹ nằm trong vùng có điều kiện khí hậu, thời tiết tương đối thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp đời sống sinh hoạt của nhân dân.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

1.1.2.1. Tài nguyên đất

Đất đai của Yên Mỹ chủ yếu được phát triển trên nền phù sa không được bồi hàng năm của hệ thống sông Hồng và chúng được chia thành 5 nhóm đất chính:

- Đất phù sa được bồi mầu nâu tươi trung tính ít chua của hệ thống sông Hồng (Phb): Với diện tích 2238,67 ha, diện tích này được phân bố ở các xã: Đồng Than, Giai Phạm, Hoàn Long, Liêu Xá, Lý Thường Kiệt, Minh Châu, Nghĩa Hiệp, Ngọc Long, Tân Lập, Tân Việt, Thị trấn Yên Mỹ, Thanh Long, Trung Hòa, Trung Hưng, Việt Cường, Yên Hòa, Yên Phú.

- Đất phù sa được bồi ngập nước mưa mùa hè cấy một vụ chiêm (Phvt): Với diện tích 1.098,52 ha, diện tích này đpược phân bố ở các xã: Đồng Than, Giai Phạm, Lý Thường Kiệt, Minh Châu, Nghĩa Hiệp, Ngọc Long, Tân Việt, Thị trấn Yên Mỹ, Thanh Long, Trung Hòa, Trung Hưng.

- Đất phù sa không được bồi màu nâu tươi trung tính ít chua không glây, hoặc glây yếu của hệ thống sông Hồng (Ph): Với diện tích 601,82 ha được phân bố ở một số xã như: Đồng Than, Hoàn Long, Ngọc Long, Tân Lập, Thanh Long, Trung Hòa.

- Đất phù sa không được bồi màu nâu tươi trung tính ít chua glây trung bình hoặc glây mạnh của hệ thống sông Hồng (P¬gh¬¬): Với diện tích 167,35 ha, tập trung ở một số xã như: Liêu Xá, Nghĩa Hiệp, Tân Lập, Thanh Long, Trung Hòa.

- Đất phù sa không được bồi màu nâu tươi, chua, glây trung bình hoặc glây mạnh của hệ thống sông Hồng (P¬gch): Với diện tích 344,13 ha, được phân bố ở một số xã: Giai Phạm, Liêu Xá, Nghĩa Hiệp, Tân Lập, Trung Hòa.

1.1.2.2. Tài nguyên nước

Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt ở huyện Yên Mỹ được lấy từ 2 nguồn nước chính là: nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm.

* Nguồn nước mặt:

Chủ yếu là nguồn nước mưa được lưu lại trong các ao, hồ, kênh mương nội đồng. Ngoài ra còn nguồn nước được lấy từ các sông lớn chảy về, được điều tiết qua hệ thống thuỷ nông Bắc Hưng Hải qua các trạm bơm và hệ thống kênh mương nội đồng để cung cấp nước trong sản xuất.

* Nguồn nước ngầm:

Theo đánh giá của Cục Địa chất khí tượng thủy văn và kiểm nghiệm ở một số giếng khoan UNICEP, nguồn nước ngầm của Yên Mỹ khá dồi dào. Về mùa khô mực nước ngầm ở độ sâu 8 -10 m còn ở mùa mưa 4 - 6 m, nước không bị ô nhiễm, nhưng hàm lượng sắt (Fe2+) trong nước cao, nếu được xử lý tốt có thể sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất.

Hiện tại, ở huyện Yên Mỹ đã có một nhà máy nước sạch cung cấp cho khu vực thị trấn Yên Mỹ và tương lai sẽ được mở rộng thêm để cung cấp cho các xã trong khu vực xung quanh.

1.1.2.3. Tài nguyên nhân văn

Là huyện nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng với truyền thống văn minh, văn hiến lâu đời hầu hết các làng, xã đều có đình, chùa, đền, miếu. Các di sản văn hoá được bảo vệ và tôn tạo, toàn huyện có 18 di tích lịch sử văn hóa đã được công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia, xây mới và đưa vào sử dụng nhà tưởng niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, nhà tưởng niệm Hải Thượng Lãn Ông.

Nhân dân Yên Mỹ đoàn kết, sáng tạo trong lao động sản xuất, đóng góp nhiều công sức trong cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc. Với truyền thống văn hiến, truyền thống cách mạng, sáng tạo, ý thức tự lực tự cường, khắc phục mọi khó khăn, kế thừa và phát huy những kinh nghiệm của cha ông, những thành quả đã đạt được. Kể từ khi tái lập huyện đến nay Đảng bộ và nhân dân toàn huyện đoàn kết lương, giáo phấn đấu đưa Yên Mỹ trở thành huyện phát triển nhanh và bền vững.

1.1.3. Thực trạng môi trường

Yên Mỹ là một huyện đang phát triển sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các ngành kinh tế - xã hội phát triển mạnh, các trung tâm kinh tế - xã hội, các đô thị, thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp Phố Nối B đã và đang được hình thành phát triển nên mức độ ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất đai cần được các cấp, các ngành có liên quan quan tâm.

1.1.3.1. Môi trường đô thị các khu công nghiệp

Tình hình ô nhiễm trong giao thông đô thị: Phương tiện tham gia giao thông đã tăng một cách đáng kể, trong đó nhiều phương tiện giao thông vận tải đã quá cũ vẫn đang sử dụng và lưu hành. Các tuyến đường nhỏ vẫn ở trong tình trạng xuống cấp lạc hậu, các hộ dân xây dựng để vật liệu bừa bãi, phương tiện giao thông khi vận chuyển vật liệu xây dựng, nhất là đất cát không che chắn tốt là nguyên nhân làm nhiều tuyến đường có hàm lượng bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.

Nhiên liệu sử dụng trong sinh hoạt ở các đô thị: Các hộ dân tại các đô thị chủ yếu sử dụng điện, gas, than, dầu làm chất đốt kết hợp nhiều loại nhiên liệu khác.

Diễn biến chất lượng môi trường bên trong và bên ngoài các cơ sở công nghiệp: Dựa vào các số liệu đo đạc, phân tích, các số liệu ĐTM, số liệu kiểm soát ô nhiễm môi trường của các cơ sở đã được phê chuẩn báo cáo ĐTM, số liệu về môi trường lao động cho thấy chất lượng nước xung quanh các cơ sở công nghiệp là tương đối tốt, ô nhiễm trong phạm vi hẹp. Đối với mùa nước cạn, nước thải được thải phần lớn ra mương nội đồng mà không có sự thoát thải ra sông. Đây là vấn đề rất nguy hiểm cho việc tưới nước cho sản xuất nông nghiệp.

1.1.3.2. Môi trường nông thôn

Môi trường các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp – làng nghề: Với quy mô nhỏ ở các làng xã, sản xuất theo hộ kinh doanh gia đình, cá thể, thiết bị công nghệ hầu hết rất lạc hậu, manh mún, chắp vá, sản xuất mang nặng tính chất tự phát, dẫn đến ô nhiễm môi trường là điều không thể tránh khỏi.

Nhận rõ nguy cơ ô nhiễm môi trường cao của một số làng nghề. Được sự tham mưu của một số ban ngành chuyên môn, một số cơ sở sản xuất nhỏ lẻ đã được các ban ngành, đoàn thể nhắc nhở để đưa ra các biện pháp xử lý, từ đó hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Tình trạng sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp: để đạt được mục tiêu tăng năng suất cây trồng, vật nuôi phải áp dụng kỹ thuật tiên tiến, thâm canh tăng vụ, gắn liền với việc tăng cường sử dụng hoá chất, thuốc trừ sâu bệnh, diệt cỏ, diệt chuột, chất kích thích tăng trưởng. Tất cả các biện pháp này ít nhiều đều tác động đến môi trường.

- Chăn nuôi ngày càng phát triển thì việc phòng chống ô nhiễm môi trường càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chất thải từ chăn nuôi có 3 loại: Chất thải rắn (phân, thức ăn, xác gia súc, gia cầm chết); Chất thải lỏng (nước tiểu, nước rửa chuồng, nước dùng để tắm gia súc); Chất thải khí (CO2, NH3...) đều là những loại khí chính gây ô nhiễm môi trường.

- Do nền kinh tế của huyện khá phát triển nên đời sống của nhân dân được nâng cao. Bên cạnh sự phát triển đó thì lượng rác thải từ sinh hoạt tương đối lớn,

đặc biệt là túi nilon rất khó phân hủy gây ô nhiễm môi trường và làm mất mỹ quan cho một số khu vực dân cư.

- Những năm gần đây, phong trào xây dựng làng văn hoá phát triển ngày càng mạnh mẽ. Một trong những tiêu chuẩn làng văn hoá là có hệ thống bê tông hoá đường làng, ngõ xóm, gắn chặt với hệ thống thoát nước, có phong trào vệ sinh thôn xóm. Nhiều gia đình có hệ thống xử lý nước, nhà vệ sinh tự hoại, hệ thống chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh kèm theo hầm xử lý Biogas góp phần bảo vệ môi trường nông thôn.

1.1.3.3. Vấn đề xử lý chất thải của huyện

Lượng chất thải công nghiệp (rắn, lỏng, khí, sinh hoạt) chưa lớn, thành phần độc hại chưa cao (trừ nước thải mạ không xử lý đạt yêu cầu), nên thực tế chất lượng môi trường ở hầu hết các điểm quan trắc đạt tiêu chuẩn. Tuy nhiên, đã có một số điểm bị ô nhiễm cục bộ, phạm vi hẹp, các dự án tiếp tục được đầu tư vào các khu công nghiệp trong thời gian tới làm lượng chất thải tăng lên, huyện cần có kế hoạch, biện pháp cụ thể để khu công nghiệp phát triển phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường, đảm bảo sức khỏe, đời sống, sản xuất của nhân dân xung quanh khu công nghiệp.

Ngoài ra huyện cần lưu ý một số vấn đề của môi trường có tính chất nhạy cảm đối với cộng đồng dân cư như:

- Ô nhiễm mùi từ các cơ sở sản xuất, chế biến, thức ăn chăn nuôi, dung môi từ công đoạn sơn .v.v. Ô nhiễm dầu từ các cơ sở gia công cơ khí, dầu FO dùng đốt nồi hơi, dầu DO chạy máy phát điện.

- Trong điều kiện thời tiết đặc biệt (khi tốc độ gió thấp, độ ẩm không khí cao), hiện tượng nghịch đảo nhiệt diễn ra, khí thải lò hơi không phát tán lên cao và ra xa được nên ảnh hưởng đến đời sống và sức khoẻ của nhân dân khu vực xung quanh.

1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 26.012 tỷ đồng, đạt 46,82% KH năm, tăng 8,54% so với cùng kỳ.

- Tỷ trọng ngành kinh tế:

+ Nông nghiệp: 2,79%

+ Công nghiệp, xây dựng: 83,99%

+ Thương mại, dịch vụ: 13,22%.

- Thu ngân sách Nhà nước huyện 6 tháng ước đạt 418,8 tỷ đồng, đạt 78,5% KH huyện giao, tăng 60 % so với cùng kỳ.

- Tỷ lệ hộ nghèo ước giảm 0,05%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 79,3% (tăng 0,6% so với cùng kỳ), tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,4% (tăng 0,09% so cùng kỳ), tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 97,5%, đạt 101% KH; tỷ lệ đô thị hóa 36,4%. Tạo thêm việc làm mới cho 1.100 lao động, đạt 30,5% KH. Xã Yên Phú đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

1.2.2.1. Nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản ước đạt 636,4 tỷ đồng, đạt 49,97% KH năm, tăng 0,32% so với cùng kỳ. Tổng diện tích gieo trồng 3.700,3ha (giảm 648,5ha so với cùng kỳ); trong đó: diện tích gieo cấy lúa Xuân là 2.114,7 ha, đạt 86,9% KH (giảm 614,5 ha so với cùng kỳ); diện tích mầu Xuân là 781,9 ha (tăng 2,2% so với cùng kỳ); diện tích gieo trồng cây vụ Đông 803,7 ha, đạt 134 % KH tỉnh giao (giảm 50,9% so với cùng kỳ). Tổng diện tích cây ăn quả trên địa bàn huyện là 1.380,5 ha, tăng 464,8ha so với cùng kỳ. Năng suất lúa bình quân ước đạt 65,03 tạ/ha, tăng 0,53 tạ so với cùng kỳ; sản lượng lúa ước đạt 13.751,9 tấn. Công tác phòng, trừ sâu bệnh gây hại trên cây trồng được triển khai kịp thời hiệu quả.

Vụ Xuân năm 2021, UBND huyện tiếp tục triển khai mô hình lúa chất lượng cao, chuyển đổi mô hình trồng ớt xuất khẩu 13,5ha tại thị trấn Yên Mỹ, xã Lý Thường Kiệt và Trung Hòa, cây có giá trị kinh tế cao như mô hình trồng ổi (tại xã Hoàn Long), hoa nhài (tại xã Trung Hưng); góp phần làm thay đổi tập quán sản xuất truyền thống, dần từng bước tiếp cận, ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, khắc phục một phần diện tích nông dân bỏ ruộng.

Tổng số trang trại trên địa bàn huyện tiếp tục được duy trì là 19 trang trại (giữ nguyên so với năm 2020), diện tích đất trang trại sử dụng là 41,03 ha, doanh thu từ các trang trại 6 tháng đầu năm ước đạt 26 tỷ đồng. Tuy nhiên do giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên tình hình hoạt động của các trang trại gặp nhiều khó khăn. Sản lượng thịt hơi (trâu, bò, lợn) xuất chuồng đạt 5.360 tấn, giảm 532 tấn so với cùng kỳ. Diện tích nuôi trồng thủy sản 301 ha, giảm 41 ha so với cùng kỳ; sản lượng thủy sản ước đạt 1.130 tấn, giảm 8,2% so với cùng kỳ. 6 tháng đầu năm đã thành lập mới 02 hợp tác xã và 02 tổ hợp tác xã; tỉnh, huyện đã đầu tư hỗ trợ cho sản xuất trên 2,4 tỷ đồng.

Công tác thủy lợi được triển khai đồng bộ, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất. Kết quả nạo vét làm thủy lợi đông xuân 2020-2021 là 40.750,3 m3, đạt 94% KH. 6 tháng đầu năm đã phát sinh 15 điểm vi phạm mới thuộc 5 xã, đã tổ chức giải tỏa 5/15 điểm vi phạm công trình thủy lợi mới phát sinh, còn lại 10 điểm vi phạm tại TT Yên Mỹ (2 điểm) và Đồng Than (8 điểm).Theo Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Toàn huyện có 07 nhà máy cấp nước sạch cho: 17/17 xã, thị trấn, đến nay các nhà máy nước sạch đã phối hợp với UBND các xã, thị trấn đã triển khai sử dụng nước sạch đạt 79,3% tăng 0,6% so với cùng kỳ.

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai, xây dựng lộ trình xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025. Năm 2021 xây dựng 2 xã nông thôn mới nâng cao là xã Nghĩa Hiệp, Liêu Xá. Đối chiếu với tiêu chí nông thôn mới nâng cao có 5 nhóm tiêu chí, 6 tháng đầu năm 2021 xã Nghĩa Hiệp, Liêu Xá đã đạt 4 nhóm tiêu chí là: Tiêu chí về hạ tầng kinh tế xã hội, tiêu chí phát triển nông thôn nâng cao đời sống nhân dân và tiêu chí về An ninh trật tự và hành chính công, tiêu chí Giáo dục - Y tế - Văn hóa, tiêu chí Cảnh quan – Môi trường cơ bản đạt. Xây dựng xã Giai Phạm đạt xã nông thôn kiểu mẫu, đối chiếu với tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu có 4 nhóm tiêu chí, 6 tháng đầu năm 2021 xã Giai Phạm đã đạt 3 nhóm tiêu chí: Tiêu chí về sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo, tiêu chí Môi trường, tiêu chí An ninh trật tự - Hành chính công; Tiêu chí giáo dục - Y tế - Văn hóa cơ bản đạt. Tổng nguồn vốn huy động xây dựng nông thôn mới ước đạt 105,12 tỷ đồng; trong đó: vốn ngân sách nhà nước 95,08 tỷ đồng, vốn dân góp 10,04 tỷ đồng.

1.2.2.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm ước đạt 21.902,5 tỷ đồng, đạt 47,25% KH năm, tăng 9,25% so với cùng kỳ. Tiếp nhận hồ sơ và tham gia ý kiến đối với 25 dự án, giảm 10 dự án so với cùng kỳ (trong đó 23 dự án mới, 02 dự án điều chỉnh), huyện đã nhất trí chủ trương 25 dự án. Các làng nghề: Chế biến lương thực và kinh doanh tổng hợp thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ; mộc - mỹ nghệ thôn Thụy Lân, xã Thanh Long; ngành nghề đóng thùng bệ, sửa chữa ô tô tại một số xã, thị trấn tiếp tục phát triển mở rộng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Triển khai thực hiện Chương trình đầu tư xây dựng để phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện. 6 tháng đầu năm vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho xây dựng cơ bản cấp

huyện ước thực hiện là 35 tỷ, đạt 23,7% KH và bằng 82% so với cùng kỳ; cấp xã ước thực hiện là 30 tỷ đồng, đạt 46,2% KH và bằng 25,7% so với cùng kỳ.

Thi công chuyển tiếp 10 công trình, với tổng mức đầu tư khoảng 469,9 tỷ đồng. Triển khai đầu tư 14 công trình cấp huyện với tổng mức đầu tư 350,4 tỷ đồng (trong đó: phê duyệt 6 công trình và 8 công trình đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt); 12 công trình cấp xã với tổng mức đầu tư là 35,46 tỷ đồng. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các dự án phục vụ phát triển đô thị tại thị trấn Yên Mỹ như đường quy hoạch số 1, đường số 4 giai đoạn 2, đường số 7 và số 1 kéo dài, dự án Nạo vét sông Cầu Treo…Lập quy hoạch các dự án phát triển đô thị và nhà ở, đồng thời tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào địa bàn triển khai các dự án phát triển đô thị. Căn cứ kết quả thẩm định của Sở Xây dựng, UBND huyện đã phê duyệt đề cương dự toán và lựa chọn đơn vị tư vấn lập đề án, đến nay cơ bản lập xong Đề án đề nghị công nhận khu vực xã Tân Việt, Trung Hưng, Yên Phú đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. Xây dựng đề án nâng cấp đô thị loại IV đối với thị trấn Yên Mỹ; lập quy hoạch phát triển đô thị loại IV trên địa bàn huyện, hiện nay đơn vị tư vấn tiến hành thu thập số liệu, tổng hợp, phân tích và lập nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Yên Mỹ mở rộng đến năm 2035 làm cơ sở cho việc lập quy hoạch mở rộng đô thị loại IV đối với thị trấn Yên Mỹ.

Hệ thống giao thông vận tải của huyện tiếp tục được quan tâm đầu tư, phục vụ khá tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế xã hội.... 6 tháng đầu năm sửa chữa gần 2,1 km đường thuộc huyện quản lý, trị giá 1,76 tỷ đồng; đã giải tỏa tháo dỡ 163 điểm vi phạm hành lang giao thông.

1.2.2.3. Thương mại – dịch vụ, bưu chính – viễn thông, điện lực

Giá trị sản xuất thương mại dịch vụ ước đạt 3.473,1 tỷ đồng, đạt 43,80% KH năm, tăng 5,78% so với cùng kỳ. 6 tháng đầu năm thực hiện tốt công tác chuẩn bị hàng hóa, bình ổn thị trường, phục vụ tiêu dùng dịp Tết nguyên đán, đồng thời chủ động phương án cung ứng hàng hóa phục vụ nhân dân trong các khu vực thực hiện phong toả để phòng chống dịch Covid-19. Bưu chính, viễn thông 6 tháng đầu năm tiếp tục phát triển đáp ứng nhu cầu về sử dụng dịch vụ của nhân dân…

Hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện tiếp tục được đầu tư xây dựng, sửa chữa, đặc biệt là các dự án xây dựng thêm trạm biến áp chống quá tải lưới điện. 6 tháng đầu năm triển khai xong 03 dự án chống quá tải lưới điện 2021, 03 hạng mục sửa chữa lớn trạm biến áp, 03 hạng mục sửa chữa lớn đường dây hạ áp sau 03 TBA, 07 hạng mục thường xuyên với tổng giá trị 816,649 triệu đồng. Các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên đã góp phần đảm bảo

an toàn, nâng cao độ tin cậy và đảm bảo đủ công suất cung cấp điện liên tục cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và sinh hoạt của nhân dân. Sản lượng điện tiêu thụ 6 tháng đầu năm ước đạt 254,25 triệu kwh, trong đó: điện sử dụng cho công nghiệp, xây dựng 189,48 triệu kwh, điện sử dụng cho quản lý tiêu dùng 54,77 triệu kwh…

1.2.2.4. Thu - chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước huyện 6 tháng đầu năm ước đạt 418,8 tỷ đồng, đạt 78,5% KH huyện giao, tăng 60 % so với cùng kỳ. Trong đó thuế ngoài quốc doanh ước đạt 45 tỷ đồng, đạt 50% KH, tăng 9,4% so cùng kỳ; lệ phí trước bạ ước đạt 28tỷ đồng, đạt 54,9% KH, tăng 22,6% so với cùng kỳ. Chi ngân sách nhà nước đảm bảo đúng dự toán được giao. Tổng chi NSNN trên địa bàn huyện ước 6 tháng đầu năm là 284,7 tỷ đồng, đạt 40,7 % KH, bằng 72,2 % so với cùng kỳ; trong đó: chi ngân sách cấp huyện là 208,9 tỷ đồng, đạt 38,8 % KH, bằng 100% so với cùng kỳ; chi ngân sách cấp xã là 75,8 tỷ đồng, đạt 49,1 % KH, bằng 42,3% so với cùng kỳ (có báo cáo riêng).

Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình huy động nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Mỹ giai đoạn 2021 - 2025 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện. Kết quả, 6 tháng đầu năm 2021 huy động được 350,06 tỷ đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ; trong đó: nguồn lực từ xã 71,78 tỷ, từ huyện 162,19 tỷ, từ tỉnh 90,75 tỷ, từ trung ương 25,34 tỷ.

Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện tốt chức năng kiểm soát thu, chi theo quy định. Hệ thống ngân hàng và quỹ tín dụng nhân dân hoạt động cơ bản đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện ước huy động 2.250 tỷ đồng, đạt 94% KH năm, tăng 4,6% so với cùng kỳ; ước dư nợ 1.682 tỷ đồng đạt 98% KH; tổng thu dịch vụ ước đạt 1.914 triệu đồng, đạt 40% KH. Ngân hàng Chính sách Xã hội ước tổng nguồn vốn 291,7 tỷ đồng, thực hiện 98,6% KH năm, tăng 11,4 tỷ đồng so với cùng kỳ; ước dư nợ cho vay 290,2 tỷ đồng, ước nợ quá hạn 103 triệu đồng, giảm 74 triệu đồng so với cùng kỳ.

1.2.3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

Công tác lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện được triển khai theo quy định. Xây dựng Kế hoạch giao chỉ tiêu đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2025.

Công tác quản lý đất đai được tăng cường, tiếp tục chỉ đạo xử lý giải tỏa quyết liệt các công trình vi phạm trên đất công, đất nông nghiệp. 6 tháng đầu

năm có 11 điểm vi phạm trên đất công, đất 03 (giảm 55 điểm so với cùng kỳ). Kết quả đã xử lý dứt điểm 06 điểm, còn 05 điểm tại xã Tân Lập, Tân Việt, Ngọc Long chưa xử lý.

Thu tiền khi cấp giấy chứng nhận (GCN) được 45 trường hợp, số tiền thu được là 13,67 tỷ đồng (giảm 2,13 tỷ đồng so với cùng kỳ). Toàn huyện cấp, cấp đổi được 443 thửa đất, trong đó: 200 GCN lần đầu đất ở và 243 GCN đất nông nghiệp.

Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) các dự án được tập trung chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, đối thoại vận động nhân dân chấp thuận chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương, qua đó tạo sự đồng thuận của nhân dân, song vẫn còn một số dự án gặp không ít những khó khăn, vướng mắc như: dự án đường Quy hoạch số 1, dự án khu dân cư thị trấn Yên Mỹ giai đoạn 2, đường Quy hoạch số 4 giai đoạn 2, dự án nâng cấp đường dọc sông, kè chống sạt lở và nạo vét sông Cầu Treo (vị trí thi công Cầu Treo),...

Công tác quản lý môi trường được quan tâm, 6 tháng đầu năm, ước tổng số lượng rác thải sinh hoạt được vận chuyển là 8.680 tấn (trong đó: xử lý tại các nhà máy 1.700 tấn), số còn lại vận chuyển về các bãi tập trung của huyện, xã để ủ theo phương pháp vi sinh. Phân bổ, bàn giao 272 xe gom rác cho các xã, thị trấn. Xác nhận đăng ký 03 bản kế hoạch bảo vệ môi trường đơn giản cho 03 doanh nghiệp trên địa bàn. Ban hành 01 quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với số tiền 60 triệu đồng.

1.2.4. Thực trạng phát triển Các lĩnh vực văn hóa xã hội

1.2.4.1. Giáo dục và Đào tạo

Quy mô và hệ thống mạng lưới trường lớp duy trì ổn định, toàn huyện có 65 trường (gồm công lập và ngoài công lập), 1.596 cán bộ giáo viên, nhân viên và hơn 35.000 em học sinh các cấp học. Chất lượng và hiệu quả giáo dục được nâng lên, thực hiện 9 nhóm nhiệm vụ và 5 giải pháp cơ bản, tích cực hưởng ứng phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học", tiếp tục điều chỉnh một số biện pháp phòng chống dịch Covid-19 trong các cơ sở giáo dục, đã chỉ đạo các nhà trường và cơ sở giáo dục triển khai dạy học trực tuyến để hoàn thành chương trình năm học. Duy trì chất lượng Phổ cập giáo dục các bậc học, trong đó: đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và xóa mù chữ mức độ 2. Chỉ đạo nghiêm việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm tại các nhà trường.

Tập trung triển khai công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp. Giáo viên các cấp học, bậc học đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, trong đó: giáo viên đạt chuẩn: Mầm non 88,9% ,Tiểu học: 79,2%; THCS: 79,2% và giáo viên trên chuẩn: Mầm non 44,7% ,Tiểu học: 0,8%; THCS: 1,6% (do thay đổi trong quy định về chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên MN, phổ thông nên tỷ lệ đạt chuẩn và trên chuẩn đều giảm).

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cơ sở vật chất tiếp tục được chính quyền các cấp quan tâm đầu tư, số phòng học, phòng chức năng được xây mới đưa vào sử dụng 6 tháng đầu năm 2021 là 8 phòng (mầm non 08 phòng học). Tỷ lệ phòng học kiên cố các bậc học: Mầm non 81,63% (tăng 1,76%), Tiểu học 95,84% (tăng 0,26%), THCS 99,56% (tăng 0,76%). Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia phấn đấu đạt KH đã đề ra.

1.2.4.2. Y tế, Dân số kế hoạch hoá gia đình

Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn huyện xuất hiện 02 trường hợp dương tính với Virus Sars-Cov-2 tại xã Yên Phú, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy - UBND tỉnh, Huyện ủy - UBND huyện đã lãnh đạo, điều hành quyết liệt, sát sao; cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở đã vào cuộc cùng với sự đồng lòng, chung sức của nhân dân đã dập dịch thành công, không để dịch lây lan ra cộng đồng.

Thành lập 09 chốt phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện với lực lượng công an làm lòng cốt; thành lập 02 khu cách ly trên địa bàn huyện với lực lượng quân đội chủ trì và làm lòng cốt. Đã thực hiện cách ly y tế tại khu tập trung cách ly số 1 (Trụ sở Huyện đội cũ) là 78 trường hợp; Khu cách ly tập trung số 2 (Trường Đại học Công đoàn Việt Nam) là 233 trường hợp; theo dõi, cách ly tại nhà, nơi cư trú là 2.805 công dân. Huyện đã chủ động mua sắm trang thiết bị, vật tư, hóa chất, test lấy mẫu xét nghiệm Covid-19… Bố trí 3 khu cách ly tập trung sẵn sàng, chủ động cách ly và đồng thời lấy mẫu xét nghiệm đối với các công dân nghi nhiễm Covid-19 trong thời gian nhanh nhất. Chi từ ngân sách Nhà nước cho các Khu tập trung cách ly với tổng số tiền (tính hết đợt 3/2021) là trên 700 triệu đồng. Đã chi từ ngân sách nhà nước 1.171.679.000 đồng cho công tác phòng chống dịch bệnh.

Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân được quan tâm. Trong 6 tháng đầu năm có 29.089 lượt người đến khám bệnh tại Trung tâm Y tế huyện, tăng 4,66% so cùng kỳ. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia tại Trạm y tế các xã, thị trấn được duy trì thường xuyên, đạt kết quả cao; duy trì 100% trạm y tế

xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kiểm tra vào dịp Tết nguyên đán Tân sửu năm 2021, triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm.

Công tác Dân số KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được quan tâm, tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh là 125 nam/100 nữ, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 26,3% (tăng 1,6% so với cùng kỳ).

1.2.4.3. Văn hoá và Thông tin, Thể thao, Truyền thanh

Công tác quản lý lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch được chú trọng. Trong đó: Phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm; Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai sâu rộng đến cơ sở (85/85 làng đăng ký danh hiệu làng văn hoá, 92/92 cơ quan đơn vị, doanh nghiệp đăng ký cơ quan đạt chuẩn văn hoá năm 2021); Kế hoạch thực hiện Đề án đầu tư tu bổ, chống xuống cấp di tích xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia trên địa bàn huyện Yên Mỹ giai đoạn 2021 – 2025 đã được triển khai (03 di dích xếp hạng cấp tỉnh đã lập hồ sơ và đi vào tu sửa; 02 di dích xếp hạng cấp quốc gia đã lập hồ sơ và chờ văn bản chấp thuận của Bộ VH, TT&DL); xây dựng và hoàn thiện thiết chế văn hóa được quan tâm và triển khai thiết thực; quản lý lễ hội, dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch được thực hiện đồng bộ với các biện pháp, giải pháp công nghệ thông tin phòng, chống dịch Covid-19 (Huyện Yên Mỹ đứng đầu trong tỉnh thực hiện giải pháp khai báo y tế). Tổ chức 03 giải TDTT cấp huyện và tham gia cấp tỉnh; Kế hoạch Đại hội TDTT các cấp năm 2021 và tham gia cấp tỉnh đã được triển khai, chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể và chuẩn bị Đại hội TDTT cấp cơ sở vào quý III/2021.

Công tác tuyên truyền được triển khai, thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ chính trị của tỉnh, của huyện; chú trọng và đa dạng hình thức cổ động, hoạt động văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, tuyên truyền trước, trong và sau bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026; đặc biệt công tác tuyên truyền về phòng chống dịch Covid-19 đạt hiệu quả.

Công tác truyền thanh đã bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh, của huyện; thực hiện tốt công tác tuyên truyền về phòng chống dịch Covid-19, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 dưới nhiều hình thức pano, apphic, đặc biệt trên hệ thống đài truyền thanh từ huyện đến cơ sở. 6 tháng đầu năm, đã xây dựng 145 chương trình phát thanh, với 2.000 tin bài, văn bản, tài liệu tuyên truyền, trong đó có 290 chuyên mục, 12 trang tin địa phương, 04 cuộc tọa đàm khách mời phòng thu, sản xuất 03 phóng sự tài liệu truyền hình. Nội dung tập trung tuyên

truyền về công tác xây dựng Đảng, đưa nghị quyết Đại hội Đảng các cấp vào cuộc sống, tuyên truyền công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

1.2.4.4. Công tác chính sách, an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo

Công tác "Đền ơn đáp nghĩa", bảo trợ xã hội, trẻ em luôn được quan tâm; tổ chức thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu với tổng số 15.640 suất quà, trị giá trên 5,5 tỷ đồng; Triển khai tháng hành động vì trẻ em năm 2021, tặng 100 suất quà bằng tiền mặt với tổng kinh phí 50 triệu đồng (trích từ quỹ Bảo trợ trẻ em huyện) và kêu gọi Công ty Bảo Việt Hưng Yên tặng 100 ba lô cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, phối hợp với Sở Lao động - TB&XH tỉnh tặng học bổng xe đạp cho các cháu học sinh giỏi có hoàn cảnh khó khăn; xây dựng kế hoạch phát triển quỹ Bảo trợ trẻ em, triển khai kế hoạch vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới và chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em năm 2021.

Thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, mai táng phí, hỏa táng, mua BHYT, với số tiền trên 56,8 tỷ đồng. Công tác tạo việc làm mới cho người lao động được quan tâm, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã tạo việc làm mới cho khoảng 1.100 lao động, đạt 30,5% KH. Ước hết tháng 6 toàn huyện đạt tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 97,5%.

Công tác từ thiện nhân đạo được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo bằng những việc làm thiết thực. Thăm và tặng 2.373 suất quà Tết, trị giá 1,18 tỷ đồng; vận động kêu gọi ủng hộ 1.000 suất quà = 500 triệu đồng cho đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng mưa lũ; đồng hành cùng CLB thiện nguyện hỗ trợ thường xuyên cho 76 trường hợp = 205,2 triệu đồng; tổ chức chương trình phát cháo từ thiện cho 12.000 lượt bệnh nhân khám và điều trị tại TTYT huyện. Phối hợp nhà tài trợ hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho 10 hộ nghèo với số tiền 400 triệu đồng, trao tặng 20 xe đạp cho 20 học sinh nghèo tổng trị giá 30 triệu đồng; thăm hỏi động viên và hỗ trợ đột suất cho 03 trường hợp tai nạn rủi ro = 35 triệu đồng; Hỗ trợ tiền viện phí cho 11 bệnh nhân nhi có hoàn cảnh khó khăn = 550 triệu đồng. Phối hợp giải cứu nông sản giúp bà con nông dân vùng dịch tại xã Yên Phú, Hải Dương và Bắc Giang, tiêu thụ được 89,2 tấn nông sản. Ủng hộ thị xã Mỹ Hào, huyện Khoái Châu, huyện Phù Cừ 07 tấn gạo và 40 nghìn khẩu trang để phòng chống dịch Covid-19. Tổ chức chương trình hiến máu tình nguyện đợt 1 năm 2021, kết quả thu được 382 đơn vị máu. Tổ chức triển khai kế hoạch tháng cao điểm vận động quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam và Quỹ nhân đạo năm 2021, Kết quả vận động được trên 800 triệu đồng.

1.3. Đánh giá chung

1.3.1. Về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, và cảnh quan môi trường

* Thuận lợi

- Huyện Yên Mỹ có các huyết mạch giao thông chính như quốc lộ 5A, 39A, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường Hà Nội - Hưng Yên và một số huyết mạch giao thông quan trọng khác; có ranh giới địa lý với 5 trong số 10 huyện, thị của tỉnh Hưng Yên. Với vị trí địa lý của Yên Mỹ tạo cơ hội thuận lợi để liên doanh, liên kết với các tỉnh và huyện bạn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời tạo cơ hội để các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư trên địa bàn.

- Nền kinh tế trong huyện ổn định có sự tăng trưởng khá, có tích luỹ; công cuộc đổi mới đang mở ra triển vọng thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài vào Hưng Yên, trong đó có Yên Mỹ.

- Yên Mỹ là huyện được tỉnh Hưng Yên xác định là vùng trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh, có khu công nghiệp Phố Nối A, Phố Nối B và khu công nghiệp Thăng Long II phát triển sôi động. Có vị trí địa lý, giao thông thuận tiện, gần các trung tâm đô thị lớn thuộc địa bàn kinh tế trọng điểm của miền Bắc như Hà Nội, Hải Phòng… là điều kiện để Yên Mỹ hoà nhập với quá trình phát triển năng động của khu vực, tiếp nhận thông tin thị trường cũng như chuyển giao nhanh các công nghệ và thiết bị tiên tiến. Là huyện nằm ở phía Bắc của tỉnh, tiếp giáp với các huyện phát triển, càng tăng cường khả năng giao lưu kinh tế với các vùng trong và ngoài tỉnh.

* Khó khăn

- Một bộ phận nhỏ người dân cố tình lợi dụng các xã, thị trấn chuẩn bị cho công tác đại hội Đảng, lãnh đạo chủ chốt thay đổi để lấn chiếm, xây dựng trái phép trên đất công, đất 03, công trình thủy lợi.

- Tiến độ thi công và GPMB một số dự án gặp khó khăn do cơ chế chính sách thay đổi, một bộ phận người dân có tư tưởng cố tình đòi hỏi vượt quá chế độ, chính sách bồi thường, thu hồi đất.

- Tốc độ công nghiệp hóa, đô thị trên địa bàn huyện ngày càng cao, kéo theo dân số tự nhiên, dân số cơ học gia tăng, ý thức của người dân về bảo vệ môi trường còn chưa cao dẫn đến tiêu chí môi trường trong xây dựng huyện nông thôn mới rất khó khăn để hoàn thiện trong thời gian ngắn

1.3.2. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

** Những kết quả đạt được*

- Hoạt động thương mại và cung ứng hàng hóa diễn ra trên thị trường ổn định, lưu thông hàng hóa diễn ra bình thường, các mặt hàng thiết yếu đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh và phòng chống đói rét cho cây trồng, vật nuôi.

- Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, Nhiều chủ trương, chính sách và chương trình Quốc gia về phát triển văn hóa - xã hội thực hiện đạt kết quả tích cực như: Xóa đói giảm nghèo, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, xây dựng nếp sống văn hóa đô thị,...

- Công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng được thực hiện căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, là cơ sở pháp lý trực tiếp liên quan.

- Trên cơ sở quy hoạch của các cấp được phê duyệt, các địa phương đã chủ động phân bổ quỹ đất một cách hợp lý cho nhu cầu phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đã có sự phối hợp trong quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng trên địa bàn làm tăng tính khả thi của các quy hoạch.

** Những hạn chế cần khắc phục*

- Công tác quản lý sau giải tỏa vi phạm chưa tốt, nhất là vi phạm hành lang an toàn công trình giao thông, văn minh đô thị như xã Tân Lập, Thị trấn Yên Mỹ. Công tác đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở còn chậm.

- Tiến độ thi công một số dự án xây dựng công trình còn chậm do còn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Công tác quản lý thu gom, tập kết, xử lý rác thải sinh hoạt ở một số nơi chưa tốt, còn gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường, hiện tượng đổ trộm rác thải vẫn còn xảy ra.

- Tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên vẫn còn ở mức cao.

- Việc theo dõi đôn đốc giải quyết đơn thư khiếu nại - tố cáo có mặt còn hạn chế dẫn đến tình trạng giải quyết đơn thư còn quá thời hạn quy định.

- Công tác phòng chống dịch Covid-19 chưa quyết liệt, tình trạng các hàng quán, khu tập thể dục thể thao, vui chơi giải trí và tụ tập đông người diễn ra thường xuyên, kéo dài quá thời gian quy định; một bộ phận người dân chủ quan tụ tập, thể dục thể thao đông người, không đeo khẩu trang phổ biến tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.1.1. Kết quả thực hiện các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Số liệu thực hiện đến hết 31/12/2021 cụ thể:

- Tổng số công trình dự án thực hiện trong năm 2021 được phê duyệt là 283 công trình, trong đó:

+ Đã thực hiện xong được 20 công trình, dự án.

+ Bỏ 05 công trình, dự án.

+ Số công trình, dự án chưa thực hiện: 258

(Chi tiết xem tại Phụ biểu 01 kèm theo báo cáo)

2.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021

Bảng 1: Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất đến 31/12/2021 của huyện Yên Mỹ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2021		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**4.307,52**	**5.280,39**	**972,87**	81,58
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.705,19	2.348,10	642,91	72,62
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	1.705,19	*2.348,10*	*642,91*	72,62
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	427,37	591,58	164,21	72,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.792,31	1.944,00	151,69	92,20
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	284,59	288,74	4,15	98,56
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	98,06	107,97	9,91	90,82
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**4.918,14**	**3.945,04**	**-973,10**	**80,21**
	Trong đó					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,18	1,01	-4,17	19,50
2.2	Đất an ninh	CAN	6,81	6,81		100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	893,37	487,26	-406,11	54,54
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	172,78		-172,78	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	135,73	51,57	-84,16	37,99
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	788,55	586,34	-202,21	74,36

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2021		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	4,94	19,21	14,27	388,87
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.528,85	1.544,32	15,47	101,01
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	949,60	963,10	13,50	101,42
-	Đất thủy lợi	DTL	282,63	333,40	50,77	117,96
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	28,60	27,54	-1,06	96,29
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,59	4,47	-0,12	97,39
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	93,89	80,33	-13,56	85,56
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	12,87	12,83	-0,04	99,69
-	Đất công trình năng lượng	DNL	10,79	3,94	-6,85	36,52
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,91	0,59	-0,32	64,84
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	15,00	2,04	-12,96	13,60
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,59	4,60	-0,99	82,29
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	21,11	21,12	0,010	100,05
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	93,28	86,54	-6,74	92,77
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	9,99	3,82	-6,17	38,24
2.10	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,80	1,83	0,030	101,67
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	939,57	880,88	-58,69	93,75
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	182,55	101,99	-80,56	55,87
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,26	11,51	0,25	102,22
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,23	0,23		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	10,55	10,46	-0,09	99,15
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	214,43	214,45	0,02	100,01
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,97	26,60	5,63	126,85
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
2.22	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK				
2.23	Đất công trình công cộng khác	DCK		0,57	0,57	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2021		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
3	***Đất chưa sử dụng***	***CSD***	**11,94**	***12,17***	***0,23***	***101,89***

2.1.2.1 Đất nông nghiệp

Tổng diện tích đất nông nghiệp thực hiện năm 2021 là 5.280,39 ha, cao hơn 972,87 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2021 (4.307,52 ha), trong đó:

- Đất trồng lúa: năm 2021 có 2.348,10 ha, cao hơn 642,91 ha so với kế hoạch được duyệt (1.705,19 ha). Nguyên nhân chính là do trong năm 2021 huyện không triển khai thực hiện nhiều công trình dự án được lấy từ đất lúa như: Hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt (Lý Thường Kiệt 169,85 ha; Tân Việt 3,70 ha), Hạ tầng khu công nghiệp Tân Dân (Yên Phú 21,76 ha; Yên Hòa 64,71 ha; Minh Châu 6,45 ha; Việt Cường 8,52 ha), Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ (giai đoạn 1) (Tân Lập 81,55 ha; Trung Hòa 3,11 ha), Nâng cấp, mở rộng đường ĐH. 34 kéo dài…

- Đất trồng cây hàng khác năm khác: năm 2021 có 591,58 ha, so với kế hoạch được duyệt (427,37 ha) phần diện tích chưa thực hiện được là 164,21 ha. Nguyên nhân do trong năm 2021 một số công trình, dự án được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác không hoàn thành thực hiện theo kế hoạch như: Hạ tầng khu công nghiệp Tân Dân (Yên Phú 21,76 ha; Yên Hòa 64,71 ha; Minh Châu 6,45 ha; Việt Cường 8,52 ha), Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Minh Châu - Việt Cường của công ty Cổ phần Khu công nghiệp Minh Châu, Đường trục Bắc Nam tỉnh Hưng Yên,…

- Đất trồng cây lâu năm: năm 2021 có 1.944,00 ha, so với kế hoạch được duyệt (1.792,31 ha) phần diện tích cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 36,96 ha chủ yếu do những công trình, dự án trong năm 2021 chưa thực hiện được như: Hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt (Lý Thường Kiệt 169,85 ha; Tân Việt 3,70 ha), Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Yên Mỹ của công ty cổ phần đầu tư hạ tầng công nghiệp Yên Mỹ MBLAND (Trung Hòa 11,63 ha; Tân Lập 23,40 ha; TT, Yên Mỹ 12,75 ha), Nâng cấp, mở rộng đường ĐH. 34 kéo dài, Trạm biến áp 220KV Yên Mỹ và đấu nối trên địa bàn huyện Yên Mỹ,…

- Đất nuôi trồng thủy sản: năm 2021 có 288,74 ha, so với kế hoạch được duyệt (284,59 ha) phần diện tích cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 4,15 ha. Nguyên nhân do trong năm 2021 huyện không triển khai thực hiện những công trình dự án được lấy từ đất nuôi truồng thuỷ sản như: Khu công nghiệp

Viglacera Yên Mỹ (giai đoạn 2) (Tân Lập 53,95 ha; Trung Hòa 46,05 ha), Khu vui chơi giải trí và ẩm thực Yên Hòa, Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và nhà ở Khu công nghiệp Phố Nối,…

- Đất nông nghiệp khác: Năm 2021 có 107,97 ha, cao hơn 9,91 ha so với kế hoạch được duyệt năm 2021 (98,06 ha).

2.1.2.2 Đất phi nông nghiệp

Kết quả thực hiện năm 2021 có 3.945,04 ha, thấp hơn 973,10 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2021 (4.918,14 ha). Cụ thể:

- Đất quốc phòng: Năm 2021 có 1,01 ha, thấp hơn 4,17 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2021 (5,18 ha). Nguyên nhân do năm 2021 huyện chưa thực hiện được các dự án: Xây dựng doanh trại ban chỉ huy Quân sự huyện Yên Mỹ, Khu vực phòng thủ (Xã Ngọc Long), Khu vực phòng thủ (Xã Đồng Than).

- Đất an ninh: Năm 2021 có 6,81 ha

- Đất khu công nghiệp: Năm 2021 có 487,26 ha, thấp hơn 406,11 ha so với chỉ tiếu kế hoạch được duyệt đến năm 2021 (893,37 ha), Nguyên nhân do năm 2021 huyện chưa thực hiện các dự án sau: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Yên Mỹ II, Hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt (Lý Thường Kiệt 169,85 ha; Tân Việt 3,70 ha), Hạ tầng khu công nghiệp Tân Dân (Yên Phú 21,76 ha; Yên Hòa 64,71 ha; Minh Châu 6,45 ha; Việt Cường 8,52 ha), Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ (giai đoạn 1) (Tân Lập 81,55 ha; Trung Hòa 3,11 ha), Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ (giai đoạn 2) (Tân Lập 53,95 ha; Trung Hòa 46,05 ha)

- Đất cụm công nghiệp: Năm 2021 huyện chưa có diện tích đất cụm công nghiệp, thấp hơn 172,78 ha so với chỉ tiếu kế hoạch được duyệt đến năm 2021, Nguyên nhân do năm 2021 huyện chưa thực hiện các dự án sau: Đầu tư xây dựng và kinh hoanh hạ tầng Cụm công nghiệp Đồng Than của công ty Cổ phần đầu tư và phát triển MITRI, Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Yên Mỹ của công ty cổ phần đầu tư hạ tầng công nghiệp Yên Mỹ MBLAND (Trung Hòa 11,63 ha; Tân Lập 23,40 ha; TT, Yên Mỹ 12,75 ha), Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Minh Châu - Việt Cường của công ty Cổ phần Khu công nghiệp Minh Châu.

- Đất thương mại dịch vụ: Năm 2021 có 51,57 ha, so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 (135,73 ha) thấp hơn 84,16 ha. Thực tế, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 chưa đạt so với kế hoạch sử dụng đất được duyệt do chưa triển khai thực hiện các dự án: Trung tâm chăm sóc sức khỏe, khách sạn và nhà hàng Châu Mỹ, Bãi đỗ xe và dịch vụ tổng hợp Hoàng Gia, Khu dịch vụ tổng hợp, vận tải hàng hóa (Phúc Đại Cát)…

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2021 có 586,34 ha, thấp hơn 202,21 ha so với chỉ tiêu được duyệt đến năm 2020 (788,55 ha), đạt 74,36 % nguyên nhân do chưa thực hiện các dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật làng nghề Yên Mỹ (giai đoạn 2), Nhà máy sản xuất kết cấu thép - phụ tùng ô tô, Nhà máy sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt và linh kiện điện tử Lộc Phú Gia Quốc tế Group, Nhà máy sản xuất các thiết bị điện, linh kiện điện tử Hà Trang…

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Năm 2021 có 19,21 ha, cao hơn 14,27 ha so với kế hoạch 2021 được duyệt (4,94 ha).

- Đất phát triển hạ tầng: Năm 2021 có 1.544,32 ha, so với chỉ tiêu được duyệt đến năm 2021 (1.528,85 ha) cao hơn 15,47 ha, đạt 101,01% do chưa có vốn đầu tư hệ thống đường giao thông, thủy lợi, văn hóa, giáo dục,... Các loại đất có chỉ tiêu thấp hơn chỉ tiêu được duyệt là: đất cơ sở văn hóa chưa thực hiện được là 1,06 ha, đất xây dựng cơ sở y tế chưa thực hiện được là 0,12 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo chưa thục hiện được là 13,56 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thảo 0,04 ha, đất công trình năng lượng 6,85 ha, đất công trình bưu chính viễn thông 0,32 ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa 12,96 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải chưa thực hiện được là 0,99 ha, đất xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa tang 6,74 ha, đất chợ 6,17 ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Năm 2021 có 1,83 ha, thấp hơn 0,03 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2021 (1,80 ha), do thành phố chưa triển khai thực hiện dự án Trường mầm non và khu vui chơi giải trí Kiến Hưng

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2021 có 880,88 ha, thấp hơn 58,69 ha so với chỉ tiêu được duyệt đến năm 2021 (939,57 ha) đạt 93,75%. Các công trình, dự án chưa thực hiện trong năm 2021 như: Dự án xây dựng khu nhà ở Sông Hồng và chợ nông sản, Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở, Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng nông thôn mới, Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở Nam Hòa, Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và nhà ở Khu công nghiệp Phố Nối,…

- Đất ở tại đô thị: Năm 2021 có 101,99 ha, thấp hơn 80,56 ha so với chỉ tiêu được duyệt đến năm 2021 (80,55 ha), đạt 55,87%. Các công trình, dự án chưa thực hiện trong năm 2021 như: Khu nhà ở cho người thu nhập thấp khu công nghiệp Yên Mỹ II, Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở Yên Mỹ, Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại, nhà ở đô thị,…

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2021 có 11,51 ha, cao hơn 0,25 so với kế hoạch được duyệt (11,26 ha).

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Năm 2021 có 0,23 ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Năm 2021 có 10,46 ha, thấp hơn 0,09 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (10,55 ha), đạt 99,15 %.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Thực hiện được 214,45 ha, cao hơn chỉ tiêu phê duyệt đến năm 2021 (214,43 ha) là 0,02 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Thực hiện được 26,60 ha ,cao hơn chỉ tiêu phê duyệt đến năm 2021 (5,63 ha) là 20,97 ha chủ yếu do chưa thực hiện dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và nhà ở Khu công nghiệp Phố Nối, Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ (giai đoạn 2) (Tân Lập 53,95 ha; Trung Hòa 46,05 ha), Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng nông thôn mới.

2.1.2.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2021, Thực hiện được 12,17 ha, cao hơn 0,23 ha phần diện tích chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt (11,94 ha) do thành phố chưa thực hiện dự án có sử dụng đất chưa sử dụng: Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ (giai đoạn 1), (Tân Lập 81,55 ha; Trung Hòa 3,11 ha), Trạm biến áp 220KV Yên Mỹ và đấu nối trên địa bàn huyện Yên Mỹ, Khu di tích Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác, Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở thôn Hào Xuyên (xen kẹp), Đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.2.1. Những mặt đã đạt được

Thông qua thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã tạo quỹ đất để đấu giá đất, giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách. Nguồn thu từ đất trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn trong huyện.

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho thấy cơ cấu sử dụng đất được chuyển đổi phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế góp phần ổn định chính trị - xã hội, tạo việc làm, nâng cao đời sống, tăng thu nhập, tạo điều kiện cải thiện đời sống cho nhân dân.

2.2.2. Những mặt còn tồn tại

- Việc kiểm tra, giám sát ở một số xã, thị trấn chưa thực sự coi trọng; tình trạng vi phạm kế hoạch sử dụng đất vẫn còn xảy ra, chưa được xử lý kịp thời. Công tác kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất chưa thực sự nghiêm túc, đặc biệt là việc quản lý, sử dụng đất theo các chỉ tiêu kế hoạch đã được HĐND thông qua và UBND tỉnh phê duyệt.

- Việc phối hợp trong công tác lập kế hoạch sử dụng đất với thực hiện kế hoạch sử dụng đất chưa chặt chẽ dẫn tới hiệu quả không cao.

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện chưa kịp thời không đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất của dự án.

- Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, thời gian kéo dài dẫn tới việc thực hiện dự án trì trệ.

- Chính sách bồi thường, hỗ trợ cho người dân khi bị thu hồi đất trong thời gian qua không phù hợp, vì vậy nhiều người dân không đồng tình với việc đền bù khi thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng của từng địa phương.

- Một số dự án sau khi được phê duyệt, chậm triển khai xây dựng đã làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Vì vậy trong năm đó không thực hiện được chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất mà phải chuyển sang năm sau.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Trong những năm gần đây nền kinh tế trong nước, cũng như thế giới có nhiều biến động, khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng làm ảnh hưởng đến việc đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn huyện, dẫn đến một số chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đạt kết quả không cao, mà chủ yếu là do các nguyên nhân tồn tại sau:

- Công tác đánh giá theo biến động đất đai hàng năm của một số xã, thị trấn chưa kịp thời, một số định hướng trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa bắt kịp với nhu cầu phát triển chung của toàn xã hội.

- Một số điểm quy hoạch chưa có tính khả thi cao so với sự phát triển kinh tế xã hội, do đó không thực hiện được ở tại vị trí theo quy hoạch đề ra mà phải chuyển sang vị trí khác.

- Nguồn vốn để thực hiện các công trình theo kế hoạch sử dụng đất gặp khó khăn nhất là nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi…

- Cơ chế thị trường làm cho đất đai ngày càng có giá trị, mặt khác cũng làm khó khăn cho công tác thực hiện kế hoạch sử dụng đất như vấn đề đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất...

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Do quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của tỉnh đang triển khai thực hiện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đang trong giai đoạn thu thập thông tin nên các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện được xác định

phù hợp theo chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Yên Mỹ đã được phê duyệt tại Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh. Trên cơ sở đó, các công trình, dự án đăng ký thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn huyện đảm bảo phù hợp với Nghị Quyết 342/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 và Nghị quyết số 369/NQ-HĐND ngày 29/4/2021của Hội đồng nhân dân tỉnh và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Yên Mỹ năm 2021.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Yên Mỹ trong năm kế hoạch 2022 được thể hiện chi tiết tại "Biểu 10/CH: Danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Yên Mỹ"

3.2.1 Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Bảng 2: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 của huyện Yên Mỹ

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2021		Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		Tăng (+); Giảm (-)
			Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	-8,00
	Tổng diện tích tự nhiên		**9.237,60**	**100,00**	**9.237,61**		
I	**Loại đất**						
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***	***5.280,39***	***57,16***	***3.917,55***	***42,41***	***-1.362,84***
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.348,10	44,47	1.443,76	36,85	-904,34
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*2.348,10*	44,47	*1.443,76*	100,00	*-904,34*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	591,58	11,20	419,20	10,70	-172,38
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.944,00	36,82	1.694,85	43,26	-249,15
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	288,74	5,47	259,68	6,63	-29,06
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	107,97	2,04	100,07	2,55	-7,90
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***3.945,04***	***42,71***	***5.308,75***	***57,47***	***1.363,71***
	Trong đó:						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,01	0,03	3,56	0,07	2,55
2.2	Đất an ninh	CAN	6,81	0,17	7,24	0,14	0,43
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	487,26	12,35	1.149,16	21,65	661,90
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			181,87	3,43	181,87
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	51,57	1,31	113,37	2,14	61,80
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	586,34	14,86	773,72	14,57	187,38
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2021		Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		Tăng (+); Giảm (-)
			Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	19,21	0,49	5,28	0,10	-13,93
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.544,32	39,15	1.628,35	30,67	84,03
	Trong đó:						
-	Đất giao thông	DGT	963,10	62,36	1.044,15	64,12	81,05
-	Đất thủy lợi	DTL	333,40	21,59	283,50	17,41	-49,90
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	27,54	1,78	28,44	1,75	0,90
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,47	0,29	4,82	0,30	0,35
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	80,33	5,20	93,79	5,76	13,46
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	12,83	0,83	13,16	0,81	0,33
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,94	0,26	16,38	1,01	12,44
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,59	0,04	0,59	0,04	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
-	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	2,04	0,13	15,05	0,92	13,01
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,60	0,30	6,18	0,38	1,58
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	21,12	1,37	21,12	1,30	
-	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	86,54	5,60	88,06	5,41	1,52
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH					
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH					
-	Đất chợ	DCH	3,82	0,25	13,11	0,81	9,29
2.10	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,83	0,05	1,83	0,03	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	880,88	22,33	1.039,71	19,58	158,83
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	101,99	2,59	143,10	2,70	41,11
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,51	0,29	11,41	0,21	-0,10
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,23	0,01	0,23	0,004	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	10,46	0,27	10,63	0,20	0,17
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	214,45	5,44	214,45	4,04	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	26,60	0,67	24,27	0,46	-2,33

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2021		Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		Tăng (+); Giảm (-)
			Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
2.22	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK					
2.23	Đất công trình công cộng khác	DCK	0,57	0,01	0,57	0,01	
3	***Đất chưa sử dụng***	***CSD***	***12,17***	***0,13***	***11,30***	***0,12***	***-0,87***

3.2.2 Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1. Ban chỉ huy Quân sự huyện Yên Mỹ: Xây dựng doanh trại ban chỉ huy quân sự huyện Yên Mỹ với diện tích 0,16 ha tại xã Tân Lập; khu vực phòng thủ tại xã Ngọc Long, Đồng Than với tổng diện tích là 3,53 ha

2. UBND huyện: Đường quy hoạch số 1, số 7 với tổng diện tích 2,79 ha *(Thị trấn Yên Mỹ 2,57 ha; xã Thanh Long 0,22 ha)*; Đường trục Bắc-Nam tỉnh Hưng Yên với diện tích 16,20 ha; Cầu Yên Lão, Yên Thổ, Đồng La, cầu Treo với tổng diện tích 0,23 ha tại các xã Nghĩa Hiệp, Tân Lập và Thị trấn Yên Mỹ; Đường quy hoạch số 4 giai đoạn 2 với diện tích 3,00 ha tại xã Tân Lập; Đường quy hoạch số 1 kéo dài với diện tích 4,30 ha tại xã Thanh Long và Ngọc Long; Đường giao thông quy hoạch 24 m với diện tích 1,46 ha tại xã Giai Phạm; Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐH.44 (đoạn từ QL.39 đến đường ĐH.40) với diện tích 1,03 ha tại thị trấn Yên Mỹ; Dự án chỉnh trang đô thị phía trước khu dân cư mới thị trấn Yên Mỹ (đoạn từ QH số 1 đến khu dân cư mới thị trấn Yên Mỹ giai đoạn 2) với diện tích 0,65 ha tại thị trấn Yên Mỹ; Công trình cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Việt (đoạn từ đường 382 gần trạm bơm Cảnh Lâm đến đường 376) với diện tích 0,28 ha tại xã Tân Việt; Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở (Thanh lý trụ sở Ban chỉ huy quân sự) với diện tích 0,17 ha tại thị trấn Yên Mỹ; Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở (Thanh lý trụ sở hạt giao thông và trụ sở thuế) với tổng diện tích 0,08 ha tại xã Tân Lập; Khu đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở thị trấn Yên Mỹ 1,43 ha; Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở thôn Nghĩa Trang với diện tích 2,70 ha tại thị trấn Yên Mỹ; Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với tổng diện tích 5,34 ha *(thị trấn Yên Mỹ 1,06 ha; Trung Hưng 4,28ha);* Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở thôn Đạo Khê xã Trung Hưng 1,54 ha; Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng nông thôn mới 7,78 ha tại xã Tân Lập; Tái định cư phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng công trình đường quy hoạch số 4 huyện Yên Mỹ (giai đoạn II) và đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở với diện tích 1,27 ha tại xã Tân Lập; Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở với diện tích 2,00 ha tại xã Thanh Long; Cải tạo, nâng cấp, xây mới nhà đa năng trường THCS Đoàn Thị Điểm;

3. Sở văn hóa thể thao và du lịch: Khu di tích Hải Thượng Lãn Ông – Lê Hữu Trác với diện tích 12,96 ha tại xã Liêu Xá;

4. Điện lực Hưng Yên: Trạm biến áp Tân Lập với diện tích 0,32 ha;

5. Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc: Trạm biến áp 220KV Yên Mỹ và đấu nối trên địa bàn huyện Yên Mỹ với diện tích 4,38 ha tại xã Hoàn Long;

6. Công ty TNHH phát triển hạ tầng KCN Hòa Phát Hưng Yên: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Yên Mỹ II với diện tích 0.09 ha tại thị trấn Yên Mỹ; Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Yên Mỹ II mở rộng với diện tích 216,00 ha tại thị trấn Yên Mỹ, xã Trung Hòa, xã Trung Hưng;

7. Công ty cổ phần phát triển khu công nghiệp VIDIFI: Hạ tầng khu công nghiệp Lý Thường Kiệt với tổng diện tích 194,00 ha; Hạ tầng khu công nghiệp Tân Dân với tổng diện tích 92,00 ha;

8. Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp Viglacera: Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ với diện tích 153,21 ha.

9. Công ty CP phát triển làng nghề Yên Mỹ: Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở Yên Mỹ với diện tích 9,80 ha*(Thị trấn Yên Mỹ 4,36 ha; Tân Lập 5,44 ha);*

10. Tổng công ty 319 bộ quốc phòng: Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại 319 với tổng diện tích 9,80 ha *(Thị trấn Yên Mỹ 2,07 ha; Tân Lập 7,73 ha);*

11. Công ty CP đầu tư BĐS&TM Thăng Long: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.34 kéo dài với diện tích 18,00 ha; Cải tạo nâng cấp ĐT.381 (đường 206 cũ) đoạn giao QL.5 đến giao với ĐT.379 với diện tích 0,75 ha; Đường trục trung tâm Khu đô thị phía Nam QL5 kéo dài từ Km1+892.92 đến giao ĐT.387 với diện tích 0,52 ha; Cải tạo nâng cấp ĐT. 382 đoạn từ QL.39 đến ngã ba Từ Hồ với diện tích 0,50 ha; Cầu Việt Cường và Cầu Đồng Than thuộc đường gom bên phải đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (đoạn giao từ ĐT.381 đến giao QL.39) với diện tích 0,90 ha thuộc xã Việt Cường và Đồng Than;

12. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển MITRI: Cụm công nghiệp Đồng Than với diện tích 75 ha tại xã Đồng Than;

13. Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng công nghiệp Yên Mỹ MBLAND: Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Yên Mỹ với diện tích 47,78 ha tại xã Trung Hòa, Tân Lập và Thị trấn Yên Mỹ;

14. Công ty TNHH phát triển công nghệ và đô thị T&T: Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại, nhà ở đô thị với diện tích 20,51 ha tại xã Nghĩa Hiệp;

15. Công ty TNHH đầu tư và phát triển Hợp Phát Hưng Yên: Nhà máy sản xuất thép định hình Hợp Phát với diện tích 1,57 ha tại xã Nghĩa Hiệp;

16. Công ty Chung Phát Hưng Yên: Nhà máy sản xuất bao bì cao cấp KCP với diện tích 9,98 ha *(xã Giai Phạm7,61 ha; xã Đồng Than 2,37 ha);*

17. Công ty TNHH thương mại Quốc tế Intraco: Nhà máy lắp ráp xe máy, xe điện với tổng diện tích 3,00 ha tại xã Giai Phạm;

18. Công ty TNHH kỹ thuật và Thương mại Hoàng Gia Việt Nam: Nhà máy sản xuất và gia công cơ khí Hoàng Gia với diện tích 2,65 ha tại xã Liêu Xá;

19. Cty TNHH Thành Đạt Minh Châu: Nhà máy sản xuất thùng xe ô tô, garage sửa chữa ô tô, bãi đỗ xe ô tô và kinh doanh sắt thép với diện tích 1,44 ha tại xã Minh Châu;

20. Công ty TNHH ô tô Đông Phong: Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe vận tải, xe ô tô hạng nhẹ Đông Phong với diện tích 9,60 ha tại xã Minh Châu;

21. Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Tân Quang Phát: Làm hành lang bảo vệ đường giao thông thực hiện dự án Khách sạn Tân Quang Phát với diện tích 0,09 ha tại xã Tân Lập;

22. Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng Bảo Huy: Trung tâm thương mại, tiệc cưới với diện tích 1,48 ha tại xã Tân Lập; Cửa hàng xăng dầu, khách sạn, garage sửa chữa ô tô, xe máy Bảo Huy với diện tích 0,57 ha tại xã Yên Phú;

23. Công ty TNHH Châu Mỹ: Trung tâm chăm sóc sức khỏe, khách sạn và nhà hàng Châu Mỹ với diện tích 2,30 ha tại xã Tân Lập;

24. Công ty TNHH dịch vụ Hưng Yên: Trung tâm dịch vụ giải trí Hưng Yên với diện tích 2,92 ha tại xã Tân Lập;

25. Công ty Sông Hồng: Dự án xây dựng khu nhà ở Sông Hồng và chợ nông sản với diện tích 9,14 ha tại xã Yên Phú;

26.Công ty TNHH TMXNK Việt Hàn: Nhà máy lắp rắp điện tử, điện gia dụng Việt Hàn với diện tích 3,10 ha tại xã Yên Phú;

27. Công ty TNHH Lộc Phú Gia quốc tế Group: Nhà máy sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt và linh kiện điện tử Lộc Phú Gia Quốc tế Group với diện tích 3,54 ha tại xã Yên Phú;

28. Công ty CP du lịch và dịch vụ giải trí Hoàng Gia: Bãi đỗ xe và dịch vụ tổng hợp Hoàng Gia với diện tích 2,38 ha tại xã Yên Phú;

29. Công ty Hoàng Gia: Nhà máy sản xuất kinh doanh các sản phẩm về nhựa với diện tích 3,30 ha tại xã Yên Phú;

30. Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Minh Châu: Đầu tư xây dựng hạ tầng CCN Minh Châu - Việt Cường diện tích 50 ha tại xã Việt Cương, Minh Châu;

31. Công ty Lufeng: Nhà máy sản xuất và lắp ráp xe máy, xe đạp điện Lufeng với diện tích 1,13 ha tại xã Yên Phú;

32. Công ty TNHH Tân Nhật Việt Hưng Yên: Nhà máy sản xuất đồ gỗ và hàng may mặc với diện tích 2,77 ha tại xã Yên Phú;

33. Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Trường Hải: Nhà máy sản xuất, lắp ráp và xuất nhập khẩu đồ điện gia dụng Trường Hải với diện tích 2,46 ha tại xã Yên Phú;

34. Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Thành Đạt: Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ với diện tích 3,49 ha tại xã Yên Phú;

35. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Sea - A: Nhà máy sản xuất bao bì đóng gói Sea-A với diện tích 3,33 ha tại xã Yên Phú;

36. Công ty Cổ phần phát triển nguồn nhân lực LOD: Trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ LOD với diện tích 4,14 ha tại xã Yên Phú;

37. Công ty TNHH Hiếu Huy Hưng Yên: Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, kho bãi với diện tích 3,92 ha tại xã Yên Phú;

38. Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hà Thành: Nhà máy sản xuất thiết bị y tế, may mặc với diện tích 4,00 ha tại xã Yên Phú;

39. Công ty TNHH xuất nhập khẩu và sản xuất Tân Hưng Đại: Nhà máy gỗ, kho bãi Tân Hưng Đại với diện tích 5,21 ha tại xã Yên Phú;

40. Công ty TNHH Tiến Cường: Trung tâm dịch vụ giải trí Tiến Cường với diện tích 1,52 ha tại xã Yên Phú;

41. Công ty cổ phần sản xuất tôn màu Poshaco: Nhà máy sản xuất tôn màu với tổng diện tích 6,63 ha *(xã Đồng Than 3,43 ha; xã Giai Phạm 3,20 ha)*;

42. Công ty TNHH máy phát điện và thiết bị Tân Kỳ: Nhà máy sản xuất và trung tâm kinh doanh máy phát điện với diện tích 0,59 ha tại xã Yên Phú;

43. Công ty cổ phần Tư vấn-Đầu tư xây dựng Ba Đình: Nhà máy dệt công nghiệp Hà Nội-Hưng Yên với diện tích 4,68 ha tại xã Yên Phú;

44. Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ thương mại Hà Trang: Nhà máy sản xuất các thiết bị điện, linh kiện điện tử Hà Trang với diện tích 5,29 ha tại xã Yên Phú;

45. Công ty TNHH Sơn Quang Hưng Yên: Nhà máy sản xuất linh kiện điện, điện tử, đồ điện gia dụng Sơn Quang với diện tích 3,93 ha tại xã Yên Phú;

46. Công ty cổ phần Thành Quang Phú: Nhà máy sản xuất các thiết bị điện, linh kiện điện tử với diện tích 3,53 ha tại xã Yên Phú;

47. Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất ECO NIKE: Nhà máy sản xuất bồn bể inox Eco Nike với diện tích 2,54 ha tại xã Yên Phú;

48. Công ty Siêu Việt: Nhà máy sản xuất đệm và chăn, ga, gối xuất khẩu Siêu Việt Hưng Yên với diện tích 4,13 ha tại xã Yên Phú;

49. Công ty Cổ phần Thaicom miền Bắc: Nhà máysản xuất nước giải khát, chế biến hoa quả với tổng diện tích 9,97 ha *(xã Đồng Than 6,49 ha; xã Giai Phạm 3,48 ha)*;

50. Công ty TNHH thương mại Quang Minh Hưng Yên: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc, sản xuất đồ gỗ Quang Minh Hưng Yên với diện tích 0,72 ha tại xã Tân Việt;

51. Công ty TNHH TM & ĐT Doanh nghiệp: Trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp và kho bãi lưu giữ hàng hóa với diện tích 1,44 ha tại xã Tân Việt;

52. Công ty Cổ phần Thaicom Hưng Yên: Nhà máy sản xuất thực phẩm và đồ uống cao cấp với tổng diện tích 6,13 ha *(xã Đồng Than 3,24 ha; xã Giai Phạm 2,89 ha)*;

53.Cty TNHH Nghĩa Lâm HY: Làm hành lang bảo vệ đường giao thông thực hiện dự án Nhà máy sản xuất các thiết bị điện, linh kiện điện tử và garage sửa chữa, bão dưỡng ô tô Nghĩa Lâm với diện tích 0,32 ha tại xã Trung Hưng;

54. Công ty TNHH SUFAT Việt Nam: Tổ hợp thương mại, dịch vụ-Nhà ở cao cấp LAVIDA GREEN với diện tích 4,56 ha tại xã Nghĩa Hiệp.

55. Công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại Hoàng Phúc: Nhà máy sản xuất bao bì và đồ gỗ nội thất với tổng diện tích 3,43 ha *(xã Yên Hòa 1,03 ha; xã Yên Phú 2,40 ha)*;

56. Cty TNHH thương mại dịch vụ vận tải Đồng Lợi: Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Đồng Lợi với diện tích 2,21 ha tại xã Ngọc Long;

57. Công ty TNHH mực in Sắc Việt: Nhà máy sản xuất, kinh doanh các sản phẩm mực in Sắc Việt với diện tích 0,50 ha tại xã Ngọc Long;

58. Công ty TNHH Vingtech: Nhà máy sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử với tổng diện tích 1,97 ha *(xã Giai Phạm 0,86 ha; xã Ngọc Long 1,11 ha)*;

59. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Vinh Khánh: Nhà máy gia công cơ khí, sản xuất các sản phẩm từ kim loại và vật liệu phi kim Vinh Khánh với diện tích 0,60 ha tại xã Ngọc Long;

60. Công ty cổ phần chuyển giao công nghệ Liha: Nhà máy sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, vật liệu nội thất, gỗ và đồ gỗ Liha với diện tích 0,64 ha tại xã Ngọc Long;

61. Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại Bách Việt Hưng Yên: Nhà máy sản xuất bao bì và đồ gỗ nội thất cao cấp với diện tích 4,60 ha tại xã Ngọc Long, Giai Phạm;

62. Công ty TNHH Việt Hưng: Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Việt Hưng với diện tích 2,15 ha tại xã Ngọc Long;

63. Công ty cổ phần Phúc Đại Cát: Trung tâm thương mại và khu tổ hợp sản xuất chế biến gỗ lắp ráp đồ điện tử với diện tích 10,56 ha tại xã Lý Thường Kiệt; Làm hành lang đường quốc lộ 39 mới và đường ĐT.379 quy hoạch thực hiện dự án Trung tâm thương mại và khu tổ hợp sản xuất chế biến gỗ lắp ráp đồ điện tử với diện tích 4,25 ha tại xã Lý Thường Kiệt;

64.Công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại Trường Thành: Nhà máy sản xuất dây và cáp điện Trường Thành với diện tích 1,14 ha tại xã Lý Thường Kiệt;

65. Công ty cổ phần cơ khí Thành Thắng: Nhà máy đúc kim loại cơ khí chính xác Thành Thắng với diện tích 1,12 ha tại xã Lý Thường Kiệt;

66. Công ty cổ phần Sợi Trà Lý: Nhà máy sợi Trà Lý với diện tích 3,70 ha tại xã Lý Thường Kiệt;

67. Công ty TNHH sản xuất giầy và nguyên phụ liệu HARCO: Sản xuất giầy, dép và nguyên phụ liệu giầy, dép với diện tích 5,66 ha tại xã Lý Thường Kiệt;

68. Công ty cổ phần Koffmaxx Việt Nam: Nhà máy sản xuất cấu kiện kim loại, đồ phi kim và nhà kho kinh doanh với diện tích 2,21 ha tại xã Lý Thường Kiệt;

69. Công ty cổ phần thiết bị điện Mai Lâm: Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm với diện tích 5,81 ha tại xã Lý Thường Kiệt;

70. Công ty TNHH MTV công nghệ vật liệu xanh Lona: Kho chứa và san chiết ga với diện tích 2,55 ha tại xã Lý Thường Kiệt;

71. Công ty TNHH MTV SX&TM Tân Việt Đạt: Nhà máy sản xuất bao VI CARTON và các thiết bị phụ trợ ngành bao bì với diện tích 3,00 ha tại xã Hoàn Long;

72. Công ty cổ phần quốc tế K&G Việt Nam: Phát triển khu liên hợp sản xuất hàng may mặc và tiêu dùng với diện tích 3,85 ha tại xã Hoàn Long;

73. Công ty cổ phần nhựa Đại Liên: Nhà máy sản xuất túi nhựa xuất khẩu Đại Liên với diện tích 5,53 ha tại xã Hoàn Long;

74. Cty TNHH phát triển khu cụm công nghiệp và nhà ở SLC Việt Nhật: Trang trại sản xuất rau an toàn công nghệ cao với diện tích 9,61 ha tại xã Hoàn Long;

75. Cty TNHH thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu: Nhà máy sản xuất máy nông nghiệp Tiến Linh với diện tích 2,50 ha tại xã Hoàn Long;

76. Công ty cổ phần nhựa Tuệ Minh: Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ nhựa Plastic với tổng diện tích 0,37 ha *(xã Giai Phạm; xã Đồng Than)*;

77. Công ty TNHH quốc tế Hà Nội – Hưng Yên: Nhà máy sản xuất thiết bị giáo dục Hà Nội - Hưng Yên với diện tích 3,35 ha tại xã Hoàn Long;

78. Công ty TNHH Hưng Tài Phát: Nhà máy sản xuất lắp ráp xe đạp, xe điện và đồ điện gia dụng với diện tích 1,96 ha tại Thị trấn Yên Mỹ;

79. Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Huy Tuấn: Sản xuất các thiết bị, linh kiện điện tử với diện tích 1,18 ha tại Thị trấn Yên Mỹ;

80. Công ty TNHH Minh Hoàng: Nhà hàng ẩm thực và tổ chức sự kiện Minh Hoàng 0,55 ha tại thị trấn Yên Mỹ;

81. Công ty TNHH thương mại Dương Việt Nhật: Trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp, nhà hàng ăn uống; kho bãi lưu giữ và phân phối hàng hóa với diện tích 2,48 ha tại thị trấn Yên Mỹ;

82. Công ty TNHH Lan Chi: Siêu thị Lan Chi với diện tích 0,23 ha tại thị trấn Yên Mỹ;

83. Công ty cổ phần Ánh Khoa: Khu dân cư mới Ánh Khoa với diện tích 6,49 ha tại xã Trung Hòa; Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật làng nghề Yên Mỹ với diện tích 9,09 ha tại thị trấn Yên Mỹ; Làng nghề Yên Mỹ giai đoạn 2 với tổng diện tích 9,00 ha *(xã Thanh Long 1,18 ha; thị trấn Yên Mỹ 7,82 ha)*; Khu nhà ở xã hội và nhà ở thương mại Ánh Khoa với diện tích 2,86 ha tại thị trấn Yên Mỹ;

84. Công ty TNHH đầu tư phát triển Nam Tiến: Kinh doanh vật liệu xây dựng, garage ô tô Nam Tiến với diện tích 2,94 ha tại xã Trung Hòa;

85. Công ty Thịnh Phát: Trạm trộn bê tông và kinh doanh, tập kết vật liệu xây dựng với tổng diện tích 2,69 ha *(xã Việt Cường 0,74; xã Yên Hòa 1,35 ha; xã Yên Phú 0,60 ha);*

86. Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ Tân Phú: Trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp với tổng diện tích 2,00 ha *(xã Yên Phú 0,82 ha; xã Yên Hòa 1,18 ha);*

87. Công ty TNHH An Gia Thịnh Phát Hưng Yên: Nhà máy sản xuất tấm hợp kim loại và kết cấu thép công nghiệp với tổng diện tích 9,52 ha *(xã Giai Phạm 2,36 ha; xã Đồng Than 1,31 ha; xã Ngọc Long 5,85 ha)*;

88. Cty TNHH sản xuất và thương mại Vinh Thịnh Vượng: Nhà máy sản xuất Dược phẩm, đồ uống và nhựa ngành dược với tổng diện tích 1,04 ha xã Yên Hòa ;

89. Công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại An Thuận Phát: Nhà máy sản xuất và gia công thiết bị điện với tổng diện tích 3,04 ha *(xã Yên Hòa 0,79 ha; xã Yên Phú 2,25 ha)*;

90. Công ty TNHH đầu tư sản xuất dịch vụ và thương mại Phúc An: Nhà máy sản xuất lắp ráp phụ tùng ô tô xe máy với tổng diện tích 3,51 ha *(xã Yên Hòa 0,30 ha; xã Yên Phú 3,21 ha)*;

91. UBND xã Đồng Than: Trường THCS 0,48 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 2,69 ha;

92. UBND xã Giai Phạm: Chợ Giai Phạm 0,54 ha; Trường THCS Nguyễn Văn Linh với diện tích 0,80 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 0,68 ha; Khu đấu giá đất 1 (trạm y tế) 0,17 ha;

93. UBND xã Hoàn Long: Điểm tập kết rác các thôn Chấn Đông với diện tích 0,08 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 1,01 ha;

94. UBND xã Liêu Xá: Đất thủy lợi với diện tích 0,13 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 1,95 ha; Nghĩa địa các thôn 0,51 ha; Nhà văn hóa thôn Liêu Trung 0,07 ha;

95. UBND xã Lý Thường Kiệt: Trạm bơm Cảnh Lâm (xã Tân Việt xâm canh) với diện tích 0,67 ha; Mương thủy lợi, đường giao thông 0,80 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 1,6 ha;

96. UBND xã Minh Châu: Trạm y tế 0,34 ha; Trường mầm non 0,31 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 1,20 ha;

97. UBND xã Nghĩa Hiệp: Nhà văn hóa thôn Thanh Xá 0,12 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 0,49 ha; Nghĩa địa thôn Yên

Lão, Thanh Xá 0,64 ha; Đình làng thôn Yên Lão 0,11 ha; Tu bổ, tôn tạo Đền – lăng Phạm Công Trứ 0,05 ha;

98. UBND xã Ngọc Long: Trường mầm non 0,57 ha; Khu tái định cư và đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở với diện tích 1,65 ha; Mở rộng nghĩa địa Chi Long 0,16 ha;

99. UBND xã Tân Lập: Trường mầm non các thôn 0,74 ha; Chợ trung tâm xã 1,53 ha; Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở với diện tích 3,70 ha; Nhà văn hóa các thôn 0,23 ha;

100. UBND xã Tân Việt: Điểm tập kết rác Hoan Ái 0,08 ha; Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 1,41 ha; Nghĩa địa thôn Hoan Ái 0,16 ha;

101. UBND xã Thanh Long: Trường mầm non Trung tâm xã 0,24 ha;

102. UBND xã Trung Hòa: Trường mầm non thôn Quần Ngọc 0,21 ha; MR trường tiểu học 0,50 ha; Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 2,20 ha; Nhà văn hóa các thôn 0,16 ha;

103. UBND xã Trung Hưng: Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 0,89 ha; Nhà văn hóa các thôn 0,15 ha;

104. UBND thị trấn Yên Mỹ: Xây dựng trường trung học cơ sở 2,42 ha, Điểm tập kết rác các thôn 0,44 ha; Nghĩa địa các thôn 2,14 ha; Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Yên Mỹ 0,04 ha;

105. UBND xã Việt Cường: Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 2,63 ha; Trường mầm non 0,45 ha;

106. UBND xã Yên Hòa: Trường mầm non các thôn 0,76 ha; Sân thể thao các thôn 1,16 ha; Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 2,56 ha; Nhà văn hóa các thôn 0,17 ha;

107. UBND xã Yên Phú: Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Yên Phú đoạn từ tỉnh lộ 206 đến đường Tân Tây Lại với diện tích 0,30 ha; Chợ Yên Phú 1,72 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở với diện tích 0,47 ha.

3.2. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu

Trên cơ sở xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện Yên Mỹ và tổng hợp các công trình dự án chuyển tiếp từ năm 2021 sang thực hiện năm 2022, chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 của huyện Yên Mỹ phân theo đơn vị hành chính cụ chi tiết tại Biểu 06/CH.

3.3.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp thực hiện đến năm 2022 là 3.917,55 ha, giảm 1.362,84 ha so với năm 2021, phân bổ cho các mục đích sau:

- Đất trồng lúa: Năm 2022 có 1.443,76 ha, diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2021 là 1.443,76 ha, giảm 904,34 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất nông nghiệp khác 7,49 ha; quốc phòng 2,51 ha; đất an ninh ha; đất khu công nghiệp 451,44 ha; đất cụm công nghiệp 78,24 ha; đất thương mại dịch vụ 50,77 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 104,97 ha; đất phát triển hạ tầng 124,42 ha (*đất giao thông 87,19 ha, đất thủy lợi 3,05 ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,73 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,29 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo 9,06 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 1,23 ha, đất công trình năng lượng 6,32 ha, đất có di tích lịch sử văn hóa 9,01 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 0,94 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa tang 3,19 ha; đất chợ 3,41 ha)*; đất ở tại nông thôn 68,67 ha; đất ở tại đô thị 15,83 ha.

Trong đó đất chuyên trồng lúa nước: Năm 2022 có 1.443,76ha, giảm 904,34 ha so với năm 2021, diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2022 là 1.443,76 ha.

Bảng 3: Chỉ tiêu đất trồng lúa phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	61,13	9,82	-51,31
2	Xã Đồng Than	276,48	189,05	-87,43
3	Xã Giai Phạm	123,88	88,92	-34,96
4	Xã Hoàn Long			
5	Xã Liêu Xá	171,69	143,52	-28,17
6	Xã Lý Thường Kiệt	346,16	186,92	-159,24
7	Xã Minh Châu	47,44	30,69	-16,75
8	Xã Nghĩa Hiệp	77,26	47,23	-30,03
9	Xã Ngọc Long	222,55	174,05	-48,50
10	Xã Tân Lập	168,44	51,32	-117,12
11	Xã Tân Việt	189,05	176,42	-12,63
12	Xã Thanh Long	132,56	110,03	-22,53
13	Xã Trung Hòa	379,94	181,71	-198,23
14	Xã Trung Hưng	119,67	41,53	-78,14
15	Xã Việt Cường	4,21	1,93	-2,28
16	Xã Yên Hòa	27,64	10,62	-17,02

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
17	Xã Yên Phú			
Tổng		**2.348,10**	**1.443,76**	**-904,34**

- Đất trồng cây hàng năm khác: Năm 2022 có 419,20 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 419,20 ha, giảm 172,38 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất nông nghiệp khác 2,28 ha; đất khu công nghiệp 36,81 ha đất cụm công nghiệp 10,00 ha; đất thương mại dịch vụ 3,09 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 67,71 ha; đất phát triển hạ tầng 12,37 ha (*đất giao thông 8,30 ha; đất thuỷ lợi 0,05 ha; đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,05 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,20 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo 1,37 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,46 ha; đất công trình năng lượng 0,40 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải 0,16 ha, đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,79 ha, đất chợ 0,59 ha),* đất ở tại nông thôn 37,12 ha, tại đô thị 3,01 ha.

Bảng 4: Chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	19,61	4,59	-15,02
2	Xã Đồng Than	2,99	2,25	-0,75
3	Xã Giai Phạm	5,55	3,24	-2,31
4	Xã Hoàn Long	30,72	15,35	-15,37
5	Xã Liêu Xá	4,07	3,35	-0,72
6	Xã Lý Thường Kiệt	4,34	2,65	-1,69
7	Xã Minh Châu	2,90	2,84	-0,06
8	Xã Nghĩa Hiệp	0,84	0,69	-0,15
9	Xã Ngọc Long	6,34	5,66	-0,68
10	Xã Tân Lập	4,97	0,80	-4,17
11	Xã Tân Việt	0,48	0,11	-0,37
12	Xã Thanh Long	2,05	0,95	-1,10
13	Xã Trung Hòa	1,56	0,69	-0,87
14	Xã Trung Hưng	17,29	15,24	-2,05
15	Xã Việt Cường	108,97	98,63	-10,34
16	Xã Yên Hòa	63,08	37,10	-25,98
17	Xã Yên Phú	315,82	225,06	-90,76
Tổng		**591,58**	**419,20**	**-172,38**

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2022 có 1.694,85 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 1.694,85 ha, giảm 249,15 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất an ninh 0,28 ha; đất khu công nghiệp 76,59 ha; cụm công nghiệp 60,35 ha, đất thương mại dịch vụ 1,15 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 15,06 h; đất phát triển hạ tầng 61,84 ha *(đất giao thông 48,34 ha, đất cơ sở giáo dục - đào tạo 2,51 ha, đất cơ sở thể dục - thể thao 0,20 ha, đất công trình năng lượng 5,21 ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa 0,74 ha, đất chợ 4,70 ha),* đất ở tại nông thôn 25,66 ha, đất ở tại đô thị 8,22 ha.

Bảng 5: Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm khác phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	27,32	14,20	-13,12
2	Xã Đồng Than	226,45	226,02	-0,43
3	Xã Giai Phạm	84,59	75,50	-9,09
4	Xã Hoàn Long	301,61	280,58	-21,03
5	Xã Liêu Xá	36,38	28,49	-7,89
6	Xã Lý Thường Kiệt	99,62	68,47	-31,15
7	Xã Minh Châu	128,39	87,70	-40,69
8	Xã Nghĩa Hiệp	41,29	31,23	-10,06
9	Xã Ngọc Long	94,06	88,69	-5,37
10	Xã Tân Lập	85,54	66,21	-19,33
11	Xã Tân Việt	49,16	45,14	-4,02
12	Xã Thanh Long	253,49	247,96	-5,53
13	Xã Trung Hòa	118,77	111,47	-7,30
14	Xã Trung Hưng	8,45	8,35	-0,10
15	Xã Việt Cường	56,81	36,08	-20,73
16	Xã Yên Hòa	146,65	108,98	-37,67
17	Xã Yên Phú	185,42	169,78	-15,64
Tổng		**1.944,00**	**1.694,85**	**-249,15**

- Đất nuôi trồng thủy sản: Năm 2022 có 259,68 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 259,68 ha, giảm 29,06 ha so với năm 2021. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm do chuyển sang đất khu công nghiệp 9,22 ha; cụm công nghiệp 1,05 ha; đất thương mại dịch vụ 1,91 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,22 ha; phát triển hạ tầng 8,93 ha *(đất giao thông 7,50 ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,07 ha; đất năng lượng 0,03 ha; đất có di tích lịch sử văn hóa 1,24 ha; đất chợ 0,09 ha)*; đất ở tại nông thôn 6,48 ha, đất tín ngưỡng 0,11 ha.

Bảng 6: Chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	4,10	4,10	
2	Xã Đồng Than	34,69	34,64	-0,05
3	Xã Giai Phạm	9,92	9,13	-0,79
4	Xã Hoàn Long	15,33	15,22	-0,11
5	Xã Liêu Xá	6,55	4,70	-1,85
6	Xã Lý Thường Kiệt	10,63	4,38	-6,25
7	Xã Minh Châu	33,17	31,16	-2,01
8	Xã Nghĩa Hiệp	5,83	3,50	-2,33
9	Xã Ngọc Long	21,92	18,77	-3,15
10	Xã Tân Lập	16,89	14,94	-1,95
11	Xã Tân Việt	9,50	9,50	
12	Xã Thanh Long	18,86	14,08	-4,78
13	Xã Trung Hòa	41,60	39,67	-1,93
14	Xã Trung Hưng	13,37	12,87	-0,50
15	Xã Việt Cường	6,55	6,45	-0,10
16	Xã Yên Hòa	13,19	11,74	-1,45
17	Xã Yên Phú	26,64	24,82	-1,82
Tổng		**288,74**	**259,68**	**-29,06**

- Đất nông nghiệp khác: Năm 2022 có 100,07 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 89,67 ha, giảm 7,90 ha so với năm 2021. Trong đó thực giảm là 18,30 ha do chuyển sang đất khu công nghiệp 18,30 ha. Đồng thời tăng 10,40 nhận từ đất lúa 7,49 ha; đất trồng cây hàng năm khác 2,28 ha; đất phát triển hạ tầng 0,51 ha *(trong đó: đất giao thông 0,30 ha; đất thủy lợi 0,21 ha);* đất có mặt nước chuyên dung 0,12 ha.

Bảng 7: Chỉ tiêu đất nông nghiệp khác phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	Xã Đồng Than	42,45	50,85	8,40
2	Xã Giai Phạm	0,34	0,34	
3	Xã Hoàn Long	14,47	14,47	
4	Xã Lý Thường Kiệt	18,52	0,22	-18,30
5	Xã Minh Châu	0,17	0,17	
6	Xã Tân Lập	0,63	0,63	

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
7	Xã Thanh Long	21,09	21,09	
8	Xã Trung Hòa	7,49	7,49	
9	Xã Trung Hưng	0,14	0,14	
10	Xã Yên Hòa	2,63	2,63	
11	Xã Yên Phú	0,04	2,04	2,00
Tổng		**107,97**	**100,07**	**-7,90**

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2022, diện tích đất phi nông nghiệp của huyện có 5.308,75 ha, tăng 1.363,71 ha so với năm 2021, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 3.944,41ha. Bao gồm các loại đất sau:

- Đất quốc phòng: Năm 2022 có 3,56 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 0,84 ha, tăng 2,55 ha so với năm 2021. Trong đó thực tăng là 2,72 ha, được nhận từ đất trồng lúa 2,51 ha; đất phát triển hạ tầng 0,21 ha *(trong đó: đất giao thông 0,18 ha, đất thủy lợi 0,03 ha*). Đồng thời giảm 0,17 ha do chuyển sang đất đất ở đô thị.

Bảng 8: Chỉ tiêu đất quốc phòng phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	0,17		-0,17
2	Xã Đồng Than		1,50	1,50
3	Xã Minh Châu	0,02	0,02	
4	Xã Ngọc Long		1,22	1,22
5	Xã Tân Lập	0,81	0,81	
6	Xã Tân Việt			
7	Xã Trung Hưng	0,01	0,01	
Tổng		**1,01**	**3,56**	**2,55**

- Đất an ninh: Năm 2022 có 7,24 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 6,81 ha, tăng 0,43 ha so với năm 2021. Diện tích tăng được nhận từ đất trồng lúa ha; cây lâu năm 0,28 ha.

Bảng 9: Chỉ tiêu đất an ninh phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	0,71	0,710	
2	Xã Giai Phạm		0,25	0,25

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
3	Xã Liêu Xá	1,17	1,17	
4	Xã Trung Hòa	4,93	5,11	0,18
Tổng		**6,81**	**7,24**	**0,43**

- Đất khu công nghiệp: Năm 2022 có 1.149,16 ha, tăng 661,90 ha so với năm 2021, diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2022 là 487,26 ha. Thực tăng là 661,90 ha được nhận từ đất trồng lúa 451,44 ha, đất trồng cây hang năm khác 36,81 ha, đất trồng cây lâu năm 76,59 ha; đất nuôi trồng thủy sản 9,22 ha; đất nông nghiệp khác 18,30 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,24 ha; đất phát triển hạ tầng 63,34 ha (trong đó: đất giao thông 37,64 ha; đất thủy lợi 24,11 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa tang 0,77 ha); đất ở tại nông thôn 2,73 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 1,11 ha.

Bảng 10: Chỉ tiêu đất khu công nghiệp phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	75,81	86,800	10,99
2	Xã Giai Phạm	43,00	43,00	
3	Xã Liêu Xá	153,01	153,01	
4	Xã Lý Thường Kiệt		200,60	200,60
5	Xã Minh Châu		6,45	6,45
6	Xã Nghĩa Hiệp	19,84	19,84	
7	Xã Tân Lập	68,41	135,64	67,23
8	Xã Trung Hòa	92,31	300,68	208,37
9	Xã Trung Hưng	34,88	117,59	82,71
10	Xã Việt Cường		2,34	2,34
11	Xã Yên Hòa		64,71	64,71
12	Xã Yên Phú		18,50	18,50
Tổng		**487,26**	**1.149,16**	**661,90**

- Đất cụm công nghiệp: Năm 2022 có 181,87 ha, tăng 181,87 ha so với năm 2021, diện tích tăng do lấy từ đất trồng lúa 78,24 ha, đất trồng cây hàng năm khác 10,00 ha, đất trồng cây lâu năm 60,35 ha, đất nuôi trồng thủy sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm 0,30 ha; 1,05 ha, đất phát triển hạ tầng 22,84 ha (trong đó: đất giao thông 15,30; đất thủy lợi 7,54 ha).

Bảng 11: Chỉ tiêu đất cụm công nghiệp phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ		21,840	21,84
2	Xã Đồng Than		75,00	75,00
3	Xã Minh Châu		31,05	31,05
4	Xã Tân Lập		23,40	23,40
5	Xã Trung Hòa		11,63	11,63
6	Xã Việt Cường		18,95	18,95
Tổng			**181,87**	**181,87**

- Đất thương mại dịch vụ: Năm 2022 có 113,37 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 51,57 ha, tăng 61,80 ha so với năm 2021. Diện tích tăng do lấy từ đất trồng lúa 50,77ha, đất trồng cây hàng năm khác 3,09 ha, đất trồng cây lâu năm 1,15 ha, đất nuôi trồng thủy sản 1,91 ha, đất khu công nghiệp ha; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,02 ha; đất phát triển hạ tầng

4,53 ha *(đất giao thông 2,72 ha, đất thủy lợi 1,50 ha; đất bưu chính viễn thông 0,02 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa tang 0,29 ha);* đất có mặt nước chuyên dung 0,33 ha.

Bảng 12: Chỉ tiêu đất thương mại – dịch vụ phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	3,26	7,220	3,96
2	Xã Liêu Xá	1,03	1,03	
3	Xã Lý Thường Kiệt	10,71	21,27	10,56
4	Xã Minh Châu	0,01	0,01	
5	Xã Nghĩa Hiệp	18,14	18,14	
6	Xã Ngọc Long		7,20	7,20
7	Xã Tân Lập	8,81	34,30	25,49
8	Xã Tân Việt		1,44	1,44
9	Xã Thanh Long	0,05	3,05	3,00
10	Xã Trung Hòa	1,03	3,97	2,94
11	Xã Trung Hưng	3,59	4,52	0,93
12	Xã Yên Hòa		2,93	2,93
13	Xã Yên Phú	4,94	8,29	3,35
Tổng		**51,57**	**113,37**	**61,80**

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm: Năm 2022 có 5,28 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 5,28 ha, giảm 13,93 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,30 ha; đất ở tại nông thôn 7,63 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2022 có 773,72 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 569,22 ha, tăng 187,38 ha so với năm 2021. Trong đó, thực tăng 204,50 ha do lấy từ đất trồng lúa 104,97 ha, đất trồng hàng năm khác 67,71 ha, đất cây lâu năm 15,06 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,22 ha; đất phát triển hạ tầng 15,54 ha *(trong đó: đất giao thông 10,09 ha, đất thủy lợi 4,99 ha, đất công trình năng lượng 0,01 ha, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa tang 0,45 ha).* Đồng thời giảm 17,12 ha do chuyển sang đất thương mại - dịch vụ 0,02 ha, đất phát triển hạ tầng 0,04 ha (đất giao thông), đất ở tại nông thôn 0,63 ha; đất ở tại đô thị 5,10 ha.

Bảng 13: Chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	60,74	49,650	-11,09

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
2	Xã Đồng Than	33,41	52,42	19,01
3	Xã Giai Phạm	165,19	185,47	20,28
4	Xã Hoàn Long	45,51	58,18	12,67
5	Xã Liêu Xá	47,63	50,28	2,65
6	Xã Lý Thường Kiệt	44,92	61,73	16,81
7	Xã Minh Châu	6,60	25,67	19,07
8	Xã Nghĩa Hiệp	39,56	41,13	1,57
9	Xã Ngọc Long	40,74	72,44	31,70
10	Xã Tân Lập	15,16	15,16	
11	Xã Tân Việt	6,71	12,10	5,39
12	Xã Thanh Long	4,91	6,37	1,46
13	Xã Trung Hòa	8,16	8,16	
14	Xã Trung Hưng	27,17	26,67	-0,50
15	Xã Việt Cường	2,69	1,35	-1,34
16	Xã Yên Hòa	4,94	13,31	8,37
17	Xã Yên Phú	32,30	93,63	61,33
Tổng		**586,34**	**773,72**	**187,38**

- Đất phát triển hạ tầng: Năm 2022 có 1.628,35 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 676,89 ha, tăng 84,03 ha so với năm 2021. Trong đó thực tăng 214,90 ha được lấy từ đất trồng lúa 124,42 ha, đất trồng cây hàng năm khác 12,37 ha, đất trồng cây lâu năm 61,84 ha, đất nuôi trồng thủy sản 8,93 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,04 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm 6,00 ha; đất ở tại nông thôn 0,01 ha, đất ở tại đô thị 0,59 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha, đất có mặt nước chuyên dùng 0,11 ha; đất chưa sử dụng 0,57 ha; đồng thời giảm 130,87 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,51 ha, đất quốc phòng 0,21 ha, đất khu công nghiệp 63,34 ha, đất cụm công nghiệp 22,84 ha, đất thương mại – dịch vụ 4,53 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 15,54 ha, đất ở tại nông thôn 14,52 ha, đất ở tại đô thị 9,37 ha.

Bảng 14: Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	74,02	91,730	17,71
2	Xã Đồng Than	125,25	114,87	-10,38
3	Xã Giai Phạm	113,91	135,17	21,26

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
4	Xã Hoàn Long	104,59	108,69	4,10
5	Xã Liêu Xá	126,82	161,37	34,55
6	Xã Lý Thường Kiệt	161,40	150,93	-10,47
7	Xã Minh Châu	68,33	70,37	2,04
8	Xã Nghĩa Hiệp	45,40	68,30	22,90
9	Xã Ngọc Long	74,79	91,03	16,24
10	Xã Tân Lập	86,68	81,87	-4,81
11	Xã Tân Việt	73,99	79,15	5,16
12	Xã Thanh Long	91,99	100,91	8,92
13	Xã Trung Hòa	122,61	99,94	-22,67
14	Xã Trung Hưng	47,94	39,89	-8,05
15	Xã Việt Cường	49,15	50,34	1,19
16	Xã Yên Hòa	45,99	49,54	3,55
17	Xã Yên Phú	131,46	134,24	2,78
Tổng		**1.544,32**	**1.628,35**	**84,03**

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Năm 2022 có 1,83 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2021.

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2022 có 1.039,71 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 878,14 ha, tăng 158,83 ha so với năm 2021. Trong đó thực tăng 161,57 ha được lấy từ đất trồng lúa 68,67 ha, đất trồng cây hàng năm khác 37,12 ha, đất trồng cây lâu năm 25,66 ha, đất nuôi trồng thủy sản 6,48 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,63 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng 7,63 ha, đất phát triển hạ tầng 14,52 ha *(đất giao thông 8,56 ha, đất thủy lợi 5,21 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,19 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo 0,03 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,45 ha)*, đất trụ sở cơ quan 0,08 ha, đất có mặt nước chuyên dùng 0,66 ha, đất chưa sử dụng 0,12 ha. Đồng thời giảm 2,74 ha do chuyển sang khu công nghiệp 2,73 ha, đất phát triển hạ tầng 0,01 ha (đất giao thông).

Bảng 15: Chỉ tiêu đất ở tại nông thôn phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	Xã Đồng Than	71,69	80,56	8,87
2	Xã Giai Phạm	44,26	49,99	5,73
3	Xã Hoàn Long	48,23	67,99	19,76

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
4	Xã Liêu Xá	49,53	51,51	1,98
5	Xã Lý Thường Kiệt	57,51	56,71	-0,80
6	Xã Minh Châu	43,49	44,69	1,20
7	Xã Nghĩa Hiệp	55,49	73,72	18,23
8	Xã Ngọc Long	41,71	43,05	1,34
9	Xã Tân Lập	50,26	77,27	27,01
10	Xã Tân Việt	61,26	66,29	5,03
11	Xã Thanh Long	65,39	85,97	20,58
12	Xã Trung Hòa	66,22	74,68	8,46
13	Xã Trung Hưng	50,42	56,74	6,32
14	Xã Việt Cường	29,11	41,42	12,31
15	Xã Yên Hòa	54,15	56,71	2,56
16	Xã Yên Phú	92,16	112,41	20,25
Tổng		**880,88**	**1.039,71**	**158,83**

- Đất ở tại đô thị: Năm 2022 có 143,10 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 101,40 ha, tăng 41,11 ha so với năm 2021. Trong đó thực tăng 41,70 ha được lấy từ đất trồng lúa 15,83 ha, đất trồng cây hàng năm khác 3,01 ha, đất trồng cây lâu năm 8,22 ha, đất quốc phòng 0,17 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 5,10 ha, đất phát triển hạ tầng 9,37 ha *(đất giao thông 5,24 ha, đất thủy lợi 4,13 ha),* đất chưa sử dụng 41,70 ha. Đồng thời giảm 0,59 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng (đất giao thông).

Bảng 16: Chỉ tiêu đất ở tại đô thị phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	65,40	101,610	36,21
2	Xã Liêu Xá	32,59	32,59	
3	Xã Nghĩa Hiệp	4,00	4,00	
4	Xã Tân Lập		4,90	4,90
Tổng		**101,99**	**143,10**	**41,11**

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2022 có 11,41 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 11,41 ha, giảm 0,10 ha so với năm 2021. Diện tích giảm do chuyển đất phát triển hạ tầng 0,02 ha (đất giao thông), đất ở tại nông thôn 0,08 ha.

Bảng 17: Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	2,31	2,310	
2	Xã Đồng Than	0,94	0,94	
3	Xã Giai Phạm	0,38	0,38	
4	Xã Hoàn Long	0,27	0,27	
5	Xã Liêu Xá	0,24	0,24	
6	Xã Lý Thường Kiệt	0,26	0,26	
7	Xã Minh Châu	0,50	0,50	
8	Xã Nghĩa Hiệp	0,23	0,23	
9	Xã Ngọc Long	0,89	0,89	
10	Xã Tân Lập	2,59	2,51	-0,08
11	Xã Tân Việt	0,48	0,48	
12	Xã Thanh Long	0,14	0,12	-0,02
13	Xã Trung Hòa	0,70	0,70	
14	Xã Trung Hưng	0,36	0,36	
15	Xã Việt Cường	0,32	0,32	
16	Xã Yên Hòa	0,36	0,36	
17	Xã Yên Phú	0,54	0,54	
Tổng		**11,53**	**11,43**	**-0,10**

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Năm 2022 có 10,63 ha, diện tích không thay đổi trong năm 2022 là 10,46 ha, tăng 0,17 ha được lấy từ đất nuôi trồng thủy sản so với năm 2021.

Bảng 18: Chỉ tiêu đất cơ sở tín ngưỡng phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	0,73	0,730	
2	Xã Đồng Than	0,79	0,79	
3	Xã Giai Phạm	1,16	1,22	0,06
4	Xã Hoàn Long	0,07	0,07	
5	Xã Liêu Xá	0,39	0,39	
6	Xã Lý Thường Kiệt	0,66	0,66	
7	Xã Minh Châu	0,05	0,05	
8	Xã Nghĩa Hiệp	0,40	0,51	0,11

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
9	Xã Ngọc Long	0,90	0,90	
10	Xã Tân Lập	0,48	0,48	
11	Xã Tân Việt	0,98	0,98	
12	Xã Thanh Long	0,40	0,40	
13	Xã Trung Hòa	1,28	1,28	
14	Xã Trung Hưng	0,29	0,29	
15	Xã Việt Cường	0,09	0,09	
16	Xã Yên Hòa	0,66	0,66	
17	Xã Yên Phú	1,13	1,13	
Tổng		**10,46**	**10,63**	**0,17**

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Năm 2022 có 24,27 ha, giảm 2,33 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,12 ha, đất khu công nghiệp 1,11 ha, đất thương mại dịch vụ 0,33 ha, đất ở tại nông thôn 0,66 ha.

Bảng 19: Chỉ tiêu đất có mặt nước chuyên dùng phân theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng
1	TT Yên Mỹ	0,92	0,920	
2	Xã Đồng Than	0,28	0,16	-0,12
3	Xã Giai Phạm	4,14	3,87	-0,27
4	Xã Hoàn Long	0,15	0,15	
5	Xã Liêu Xá	0,05	0,05	
6	Xã Lý Thường Kiệt	1,56	1,49	-0,07
7	Xã Minh Châu	1,11	1,11	
8	Xã Nghĩa Hiệp	4,22	3,98	-0,24
9	Xã Ngọc Long	0,20	0,20	
10	Xã Tân Lập	1,46	0,97	-0,49
11	Xã Tân Việt	0,85	0,85	
12	Xã Thanh Long	0,47	0,47	
13	Xã Trung Hòa	6,20	5,68	-0,52
14	Xã Trung Hưng	4,65	4,03	-0,62
15	Xã Việt Cường	0,20	0,20	
16	Xã Yên Hòa			
17	Xã Yên Phú	0,14	0,14	
Tổng		**26,60**	**24,81**	**-1,79**

3.3.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2022, dự kiến đưa 0,87 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích: đất phát triển hạ tầng 0,57 ha (đất giao thông 0,50 ha; đất công trình năng lượng 0,02 ha, đất có di tích lịch sử 0,05 ha), đất ở tại nông thôn 0,12 ha, đất cơ sở tín ngưỡng 0,06 ha. Diện tích đất chưa sử dụng còn lại 11,30 ha.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Bảng 20: Diện tích đất chuyển mục đích năm 2022 của huyện Yên Mỹ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**1.363,47**
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	896,85
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC/PNN*	896,85
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	170,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	249,15
1.4	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS/PNN	29,06
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	18,30
3	**Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở**	**PKO/OTC**	**38,16**

Ghi chú:(a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại điểm a, ba,c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại Biểu 07/CH kèm theo báo cáo.

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Bảng 21: Diện tích đất thu hồi năm 2022 của huyện Yên Mỹ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***	***1.373,24***
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	904,34
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*904,34*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	*172,38*
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	*249,15*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	*29,06*
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	*18,30*
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***175,49***
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,17
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	17,12
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	13,93
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	138,51
	Trong đó:		
-	Đất giao thông	DGT	81,09
-	Đất thủy lợi	DTL	53,03
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,19
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	0,13
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	1,56
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,03
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,48
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,74
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,59
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,10
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2,33

Diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại Biểu 08/CH kèm theo báo cáo.

3.6. Diện tích đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Bảng 22: Diện tích đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022 của Yên Mỹ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***0,87***
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,57
	Trong đó:		
-	Đất giao thông	DGT	0,50

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,02
-	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	0,05
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,12
2.3	Đất tín ngưỡng	TIN	0,06

(Chi tiết xem tại biểu 09/CH)

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

(Chi tiết xem tại biểu 10/CH)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường về quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính Phủ về quản lý sử dụng đất lúa;

- Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2024;

Bảng 23: Ước tính thu chi từ đất năm 2022 của huyện Yên Mỹ

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Thành tiền (Tỷ đồng)
I	**Các khoản thu**		**11.962,20**
1	Thu từ đấu giá QSDĐ ở đô thị	41,70	954,46
2	Thu từ đấu giá QSDĐ ở nông thôn	161,57	196,53
3	Thu từ cho thuê đất thương mại, dịch vụ	61,80	73,80
4	Thu từ cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất phi nông nghiệp	204,50	216,50
5	Thu từ cho thuê đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	843,77	10.125,24
6	Thu từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.	791,86	395,68
II	**Các khoản chi**		**5.019,10**
1	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thuỷ sản	407,89	367,10
2	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	133,46	153,47
3	Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	2,70	54,00
4	Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị	0,59	23,60
5	Chi bồi thường khi thu hồi đất sản xuất phi nông nghiệp	14,23	234,15
6	Chi hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng		4.186,77
III	**Cân đối thu chi (I-II)**		**6.943,10**

Ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn huyệntheo kế hoạch sử dụng đất năm 2022 dư 6.943,10 tỷ đồng.

Trên đây là dự tính thu, chi dựa trên những khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập quy hoạch sử dụng đất. Việc thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án và vị trí cụ thể của từng loại đất trên cơ sở áp dụng các khung giá quy định tại các thời điểm đó đối với các dự án cụ thể.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

** Các biện pháp nhằm chống hủy hoại đất*

- Hạn chế cày, xới bề mặt đất (nhất là trong thời gian mùa mưa), khai thác trắng.

- Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp, mạnh dạn chuyển dần sang sản xuất nông nghiệp theo công nghệ sinh học và giám sát chặt chẽ việc sử dụng chất thải công nghiệp độc hại trước khi thải ra môi trường chung quanh không ảnh hưởng tới môi trường đất và môi trường sống của nhân dân.

- Sử dụng đất trong các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu.

** Các biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất*

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển các đô thị, các khu dân cư nông thôn, cụm, điểm tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Đặc biệt lưu ý tăng tỷ lệ đất phi nông nghiệp ở các địa bàn này ngay từ khi lập quy hoạch chi tiết.

- Phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế: Giao thông, thuỷ lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ…

- Giao đất theo kế hoạch, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi hết hạn sử dụng phải thu hồi kịp thời.

** Biện pháp nhằm đẩy nhanh đưa đất trống đồi núi trọc vào sử dụng*

- Giao đất cụ thể đến người sử dụng nhất là đối với những diện tích do UBND xã, phường quản lý hoặc giao cho ngành chủ quản.

- Phát triển cơ sở hạ tầng đến địa bàn đất còn trống.

**Giải pháp bảo vệ môi trường:*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân, các doanh nghiệp, nhà quản lý thông qua các hình thức như: Phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước về công tác bảo vệ môi trường, thường xuyên tổ chức, tập huấn, hội thảo, thi tìm hiểu... về công tác bảo vệ môi trường đến các tầng lớp nhân dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển tiểu thủ công nghiệp, phát triển mạng lưới giao thông...

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, nghiên cứu và áp dụng phương thức quản lý tổng hợp môi trường thông qua cơ chế,

chính sách, đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch để hài hòa các mục tiêu phát triển của từng địa phương.

- Áp dụng các biện pháp kinh tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm nguyên tắc "người gây ô nhiễm, thiệt hại đối với môi trường phải bồi thường, khắc phục".

- Các giải pháp bảo vệ môi trường nước: hạn chế nguồn thải từ các khu tiểu thủ công nghiệp, chợ, khu dân cư nông thôn, đô thị... vào môi trường nước. Thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, từng bước đưa chúng trở thành các khu sản xuất sinh thái, thân thiện với môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khoẻ người lao động;

- Có các chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi cho các ngành của huyện(như tạo điều kiện về cấp đất, nhà ở, tuyển dụng thẳng vào biên chế nhà nước, không qua tập sự. Có chính sách hỗ trợ và chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, khuyến khích trí thức trẻ về công tác tại huyệncũng như tại các phường, xã);

- Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành;

- Mở rộng dạy nghề, truyền nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động; chú trọng đào tạo lao động là người địa phương, sử dụng họ vào các doanh nghiệp đóng trên địa bàn;

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

- Cần ưu tiên đầu tư tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm đầu (2021) của huyệnđược UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyệngiao cho phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các xã, phường và các ngành tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các khu, điểm công nghiệp, TT - CN… đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo cảnh quan, lớp che phủ bề mặt đất khai thác khoáng sản sau khai thác… Nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý đất đai để giúp cho UBND các cấp làm tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai năm 2013.

- Tăng cường công tác Thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền có liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai theo kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Bao gồm việc lập, thẩm định, xét duyệt dự án, giao đất phải theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch kiến nghị bổ sung và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo pháp luật quy định.

- Tăng cường công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; Rà soát quỹ đất thu hồi, đất giao có thu tiền, đấu giá quyền sử dụng đất thu tiền 1 lần… để đánh giá kết quả thực hiện.

4.4. Các giải pháp khác

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các khu, điểm công nghiệp, TT – CN,… đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo cảnh quan, lớp che phủ bề mặt đất khai thác khoáng sản sau khai thác,… Nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý đất đai để giúp cho UBND các cấp làm tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai năm 2013.

- Thực hiện quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: bao gồm việc lập, thẩm định, xét duyệt dự án, giao đất phải theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch kiến nghị bổ sung và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo pháp luật quy định.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Yên Mỹ được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất từ các sở, ngành (cấp tỉnh), các phòng, ban (thành phố), Ủy ban nhân dân các xã, phường và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Yên Mỹ; các dự án đầu tư và cân đối điều chỉnh phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của từng đơn vị xã, phường. Vì vậy, mức độ chi tiết đảm bảo theo yêu cầu và cụ thể theo từng công trình, từng loại đất nhưng tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào tính khả thi của các dự án, công trình, nguồn vốn và những yếu tố khách quan khác.

- Kết quả của phương án thể hiện được chiến lược sử dụng đất của huyệntrong năm 2022, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái đồng thời là công cụ quan trọng để các phường, xã trong huyệnthực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

- Để đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất thì giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp ngày càng tăng.

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn được cân nhắc cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực và mục tiêu đô thị hoá. Các khu vực đô thị khi được đầu tư phát triển sẽ thực sự trở thành điểm sáng, văn minh, hiện đại, không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn tạo ra ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hoá nông thôn ở các khu vực khác, đáp ứng được mục tiêu đô thị hoá của thành phố.

- Đất dành cho công nghiệp, du lịch, dịch vụ thương mại được tính theo phương án có tính khả thi cao nhất. Trong đó sẽ hình thành một số khu, cụm có quy mô tập trung, vị trí thuận lợi, bố trí đủ đất cho tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, thu hút nhiều ngành có công nghệ cao. Các trung tâm dịch vụ, các khu du lịch được phát triển với nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, phục vụ đắc lực cho các hoạt động dịch vụ, du lịch cũng như nhu cầu vui chơi, giải trí ngày càng tăng của người dân.

- Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất giao thông, thuỷ lợi, nghĩa trang, nghĩa địa,... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

II. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, UBND huyện kiến nghị:

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện cho từng dự án theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, đặc biệt ưu tiên các chương trình trọng điểm như giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, trường học, y tế, nhà văn hóa,… theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Tạo hành lang pháp lý thông thoáng và giới thiệu các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường thành lập các ngân hàng liên doanh, ngân hàng cổ phần, các quỹ tín dụng để tăng nguồn vốn hoạt động trên địa bàn tỉnh nói chung và huyện nói riêng trong việc thu hút vốn đầu tư vào các dự án hạ tầng.